

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **ĐỊA LÍ DÂN C.**

**Tiết 1: Bài 1.**

### **CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM.**

#### **Mục tiêu bài học:**

Sau bài học học sinh cần:

- Biết được nước ta có 54 dân tộc, dân tộc kinh có số dân đông nhất. Các dân tộc ở nước ta luôn đoàn kết bên nhau trong quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- Trình bày được tình hình phân bố các dân tộc ở nước ta.
- Xác định được trên bản đồ vùng phân bố chủ yếu của một số dân tộc.
- Có tinh thần tôn trọng đoàn kết các dân tộc.

#### **Thiết bị cần thiết:**

- Bản đồ dân cư Việt Nam.
- Bộ ảnh về đại gia đình các dân tộc Việt Nam.
- Tranh ảnh một số dân tộc Việt Nam.

#### **Hoạt động trên lớp:**

##### **A. Ổn định lớp:**

- Kiểm tra sĩ số.
- Giới thiệu chương trình địa lí lớp 9.  
Cả năm 52 tiết. Kỳ I : 35 tiết. Kỳ II. 17 tiết.

##### **B. Nội dung bài mới:**

Giới thiệu bài: Việt Nam là quốc gia nhiều dân tộc. Với truyền thống yêu nước đoàn kết, các dân tộc đã sát cánh bên nhau trong suốt quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

<b>Hoạt động của thầy-trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giáo viên cho học sinh kể một số dân tộc ở nước ta?</li><li>- Chia lớp thành 12 nhóm:</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 1- 6: Trình bày một số nét khái quát về dân tộc kinh.</li><li>- Nhóm 7- 12: Trình bày một số nét khái quát về các dân tộc ít người.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét bổ sung cho nhau.</li><li>- Giáo viên chuẩn xác kiến thức.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò (cá nhân)</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc? Dân tộc nào có số dân đông nhất? Chiếm tỉ lệ bao nhiêu?</li><li>2. Lấy một vài ví dụ thực tế chứng minh các dân tộc ở nước ta ở nước ta bình đẳng và đoàn kết với nhau?</li><li>3. Dựa vào vốn hiểu biết hãy cho biết dân tộc Việt phân bố chủ yếu ở đâu? Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở đâu?</li><li>4. Cho biết dân tộc ít người nào cư trú ở đồng bằng?</li><li>5. Nêu những nét khác nhau giữa dân tộc Việt và dân tộc ít người?</li></ol>	<p><b>I. Các dân tộc ở Việt Nam:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Cả nước có 54 dân tộc.</li><li>- Dân tộc Việt.</li><li>- Các dân tộc ít người.</li><li>- Các dân tộc khác nhau về quần cư, hoạt động kinh tế chủ yếu.</li></ul>

## II. Phân bố các dân tộc:

### 1. *Dân tộc Việt:*

Phân bố chủ yếu ở các vùng đồng bằng, trung du và duyên hải.

2. *Các dân tộc ít người* phân bố chủ yếu ở miền núi và trung du.

## C. Củng cố:

1. Ngày nay phân bố các dân tộc có những thay đổi nh thế nào? Cho ví dụ?
2. Hớng dẫn học sinh làm bài tập số 3 trang 6.

## D. Bài tập về nhà:

1. Su tầm tranh ảnh về các dân tộc.
2. Làm bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập địa lí.

## **DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ.**

### **Mục tiêu bài học:**

Sau bài học, học sinh cần:

- Nhớ số dân của nước ta trong một thời điểm gần nhất.
- Hiểu và trình bày được tình hình gia tăng dân số, nguyên nhân và hậu quả.
- Biết đặc điểm cơ cấu dân số (theo độ tuổi, theo giới) và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số của nước ta. Nguyên nhân của sự thay đổi đó.
- Có kĩ năng phân tích bảng thống kê một số biểu đồ dân số.
- ý thức được sự cần thiết phải có qui mô gia đình hợp lí.

### **Các thiết bị dạy học:**

- Tranh ảnh về một số hậu quả của gia tăng dân số tới môi trường, chất lượng cuộc sống.

### **Hoạt động trên lớp:**

#### **A. Kiểm tra bài cũ:**

Nước ta có bao nhiêu dân tộc, những nét văn hóa riêng của các dân tộc thể hiện ở những mặt nào? Cho ví dụ.

#### **B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy-trò</b>	<b>Nội dung chính</b>
<p><b>+ Hoạt động của trò:</b> Dựa vào sách giáo khoa và thực tế cho biết: 1. Dân số nước ta năm 2002? Tới nay dân số nước ta khoảng bao nhiêu? 2. Nước ta đứng hàng thứ bao nhiêu về diện tích và dân số trên thế giới? Điều đó nói lên đặc điểm gì về dân số của nước ta?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b> - Chuẩn xác lại kiến thức. - Chia lớp thành 12 nhóm. - Giao việc cho các nhóm.</p> <p><b>+ Hoạt động của học sinh:</b> Các nhóm thảo luận câu hỏi theo phiếu. 1. Dựa vào 2.1 nhận xét tình hình tăng dân số của nước ta? 2. Vì sao tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số giảm nhưng số dân vẫn tăng? 3. Dân số đông và tăng nhanh gây hậu quả gì? 4. Nêu những lợi ích của sự giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta? 5. Nêu những biện pháp nhằm giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số? 6. Dựa vào 2.1 cho biết vùng nào có tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số cao nhất, thấp nhất các vùng nào có tỉ lệ gia tăng tự nhiên cao hơn trung bình của cả nước? Rút ra kết luận gì?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b> - Cho các nhóm báo cáo kết quả và bổ sung cho nhau. - Giáo viên chuẩn xác kiến thức.</p>	<p><b>I. Số dân:</b> - Năm 2002: 79,7 triệu. - Năm 2003: 80,9 triệu. Diện tích nước ta đứng thứ 60 Dân số nước ta đứng thứ 14.</p> <p><b>II. Gia tăng dân số:</b> - Dân số nước ta tăng nhanh từ những năm 50 của thế kỷ 20. - Tốc độ tăng dân số có xu hướng giảm. - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn có sự khác nhau giữa các vùng.</p>

**+Hoạt động của trò ( cá nhân)**

1. Dựa vào bảng số liệu 2.2 và hiểu biết thực tế cho biết cơ cấu dân số nớc ta thuộc loại nào? Cơ cấu dân số này có thuận lợi và khó khăn gì?
2. Nêu nhận xét về sự thay đổi cơ cấu dân số theo giới và nguyên nhân của nó?

**III. Cơ cấu dân số:**

- Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nớc ta đang có sự thay đổi tỉ lệ trẻ em giảm.
- Tỉ lệ người trong và trên độ tuổi lao động tăng lên.
- Tỉ lệ giới tính thấp và đang có xu hướng thay đổi.
- Tỉ lệ giới tính khác nhau giữa các địa phương.

**C. Củng cố:**

1. Trình bày tình hình gia tăng dân số của nớc ta?
2. Kết cấu dân số theo độ tuổi của nớc ta thay đổi nh thế nào? Tại sao?
3. Kết cấu dân số có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế xã hội?

**D. Bài tập về nhà:** Bài số 3 trang 10, bài tập bản đồ.

**TUẦN:**

Ngày soạn: ...../...../.....

**TIẾT:**

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 3: Bài 3:**

**PHÂN BỐ DÂN C  
VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN C.**

**Mục tiêu bài học:**

- Hiểu và trình bày được đặc điểm mật độ dân số và phân bố dân c của nớc ta.
- Biết đặc điểm của các loại hình quần c nông thôn, quần c thành thị và đô thị hóa ở nớc ta.
- Biết phân tích lược đồ phân bố dân c và đô thị Việt Nam, phân tích một số bảng số liệu về dân c.
- Ý thức được sự cần thiết phải phát triển đô thị trên cơ sở phát triển công nghiệp, bảo vệ môi trường nơi đang sống. Chấp hành các chính sách của nhà nớc về phân bố dân c.

**Các phương tiện cần thiết:**

- Bản đồ phân bố dân c và đô thị Việt Nam.
- Tranh ảnh về nhà ở, một số hình thức quần c của Việt nam.
- Bảng thống kê mật độ dân số và một số đô thị ở Việt Nam.

Hoạt động trên lớp:

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Phân tích ý nghĩa của sự giảm tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và thay đổi cơ cấu dân số nớc ta.
2. Làm bài tập 3 trang 10 sách giáo khoa.

**B. Bài mới:**

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung chính
<p><b>+ Hoạt động của học sinh:</b>          Tìm hiểu mục 1 và lược đồ phân bố dân cư và đô thị ở Việt Nam năm 1999 cho biết:          1. Nhận xét mật độ dân số trung bình của nước ta năm 2003 so với năm 1989?          2. Dân cư tập trung đông đúc ở vùng nào, thưa ở vùng nào? Tại sao?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b>          - Cho học sinh thảo luận theo cặp nhóm câu hỏi 2 và rút ra nhận xét.          - Giáo viên chuẩn xác kiến thức.          - Giáo viên chia lớp thành 12 nhóm, giao phần việc cho các nhóm.</p> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b>          Dựa vào mục 2, tranh ảnh về quần cư và kiến trúc thực tế cho biết:          1. Đặc điểm chung của quần cư nông thôn? Những thay đổi của quần cư nông thôn?          2. Sự khác nhau của quần cư nông thôn giữa các vùng? Tại sao lại có sự khác nhau đó?          3. Đặc điểm của quần cư thành thị?          4. Sự khác nhau về hoạt động kinh tế và cách thức bố trí nhà ở giữa thành thị và nông thôn.</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b>          Giúp cho học sinh tìm hiểu về          - Quy mô dân số.          - Tên gọi các điểm quần cư ở các vùng miền, dân tộc khác nhau.          - Hoạt động kinh tế chính.          - Mật độ nhà ở và cách bố trí trong nhà.          - Rút ra nhận xét: Sự thích nghi của con người với thiên nhiên và hoạt động kinh tế của người dân.</p> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b>          1. Quan sát h3.1 nêu nhận xét về sự phân bố các đô thị ở nước ta? Giải thích?          2. Nơi em sống thuộc loại hình quần cư nào? Phân tích đặc điểm của nó?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b>          - Cho học sinh phát biểu, nhận xét, bổ sung cho nhau.          - Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.</p> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b>          Dựa vào bảng 3.1 cho biết:          1. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta?          2. Sự thay đổi của tỉ lệ dân thành thị đã phản ánh quá trình đô thị hóa ở nước ta như thế nào?          Dựa vào h3.1 cho biết:          1. Các thành phố ở nước ta phân bố như thế nào?          2. Nhận xét quy mô của các thành phố ở nước ta?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p>	<p><b>I. Mật độ dân số và phân bố dân cư:</b>          - Nước ta có mật độ dân số cao và ngày càng tăng.          - Dân cư nước ta phân bố không đều.          * Tập trung ở đồng bằng ven biển và các đô thị lớn.          * Miền núi thưa dân.          * Phần lớn sống ở nông thôn.</p> <p><b>II. Các loại hình cư trú:</b>          1. <b>Quần cư nông thôn:</b>          - Mật độ nhà ở thưa, các bản làng cách xa nhau.          - Tên gọi khác nhau.          - Hoạt động kinh tế chủ yếu là nông, lâm, ngư nghiệp.          2. <b>Quần cư thành thị:</b>          - Mật độ dân số cao.          - Nhà san sát, kiểu nhà ống, chung cư.          - Hoạt động kinh tế chủ yếu: công nghiệp, dịch vụ...</p>

- Cho cá nhân trả lời câu hỏi, nhận xét, bổ sung cho nhau.
- Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.
- Cho học sinh thảo luận về vấn đề đặt ra khi dân số tập trung quá đông ở các thành phố lớn.

### **III. Đô thị hóa:**

- Các đô thị ở nước ta phần lớn có qui mô vừa và nhỏ, phân bố ở đồng bằng ven biển.
- Quá trình đô thị hóa tốc độ ngày càng cao.
- Trình độ đô thị hóa còn thấp.

### **C. Củng cố:**

1. Tìm đọc tên một số khu vực tập trung đông dân c của nước ta?
2. Nêu những điểm khác nhau giữa quần c nông thôn và quần c thành thị?

### **D. Bài tập về nhà:**

1. Bài tập 3 trang 14 sách giáo khoa.
2. Bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập.

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 4: Bài 4: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM  
CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG.**

**Mục tiêu bài học:**

- Hiểu và trình bày đặc điểm của nguồn lao động và sử dụng lao động ở nước ta.
- Biết sơ lược về chất lượng cuộc sống và việc nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân ta.
- Biết nhận xét các biểu đồ.

**Phong tiện dạy học cần thiết:**

- Các biểu đồ cơ cấu lao động (phóng to SGK).
- Các bảng thống kê về sử dụng lao động.
- Tranh ảnh thể hiện sự tiến bộ về sự nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta? Giải thích tại sao có sự phân bố như vậy?
2. Chỉ, đọc tên các đô thị lớn, nhận xét sự phân bố?

**B. Bài mới:**

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung chính
<p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hớng dẫn học sinh tìm hiểu mục 1, h4.1.</li><li>- Chia lớp thành 12 nhóm.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <p>Các nhóm trả lời câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nguồn lao động nước ta có những mặt mạnh và hạn chế nào?</li><li>2. Để nâng cao chất lượng nguồn lao động cần có biện pháp gì?</li><li>3. Nhận xét cơ cấu lao động thành thị và nông thôn? Giải thích nguyên nhân?</li></ol> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho các nhóm báo cáo kết quả, nhận xét bổ sung cho nhau.</li><li>- Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.</li><li>- Thuyết trình về những cố gắng của nhà nước trong việc sử dụng lao động trong giai đoạn 1991-2003.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Dựa vào hình 4.2 hãy nêu những nhận xét về cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta?</li><li>2. Rút ra kết luận về xu hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng lao động? Giải thích tại sao?</li></ol> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho học sinh phát biểu, bổ sung cho nhau.</li><li>- Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <p>Dựa vào SGK và thực tế cho biết:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tại sao việc làm đang là vấn đề gay gắt ở nước ta?</li><li>2. Để giải quyết việc làm cần tiến hành những biện pháp gì?</li></ol>	<p><b>I. Nguồn lao động và sử dụng lao động:</b></p> <p><b>1. Nguồn lao động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Mặt mạnh:</b> Nguồn lao động dồi dào, cần cù, chịu khó, nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năng động sáng tạo, linh hoạt trong cơ chế thị trường.</li><li>- <b>Hạn chế:</b> Lao động có chuyên môn kỹ thuật còn ít, thể lực yếu, thiếu tác phong công nghiệp, phân bố chưa hợp lý.</li></ul> <p><b>2. Sử dụng lao động:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ cấu sử dụng lao động đang thay đổi. Giảm tỉ trọng lao động trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ.</li></ul>

**+ Hoạt động của giáo viên:**

- Gọi ý cho học sinh trả lời câu hỏi.
- Chuẩn xác kiến thức.

**+ Hoạt động của trò:**

1. Đọc mục 3 và hiểu biết thực tế nêu những thành tựu đã đạt được trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống.
2. Quan sát h4.3 giải thích ý nghĩa?
3. Nhà nước đã và đang có những biện pháp gì để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân ở mọi miền đất nước?

**+ Hoạt động của giáo viên:**

- Cho học sinh phát biểu, bổ sung cho nhau.
- Giáo viên chuẩn xác kiến thức.
- Giải thích chỉ số HDI

**II. Vấn đề việc làm:**

- Hiện nay thiếu việc làm và thất nghiệp còn chiếm tỉ lệ cao.
- Hóng giải quyết:
  - \* Phân bố lại dân c và lao động giữa các vùng.
  - \* Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở nông thôn.
  - \* Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.
  - \* Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đẩy mạnh hoạt động hóng nghiệp, giới thiệu việc làm.

**III. Chất lượng cuộc sống:**

- Thành tựu:
  - \* Chất lượng cuộc sống của nhân dân ngày càng được cải thiện.
  - \* Mức thu nhập bình quân trên đầu người tăng.
  - \* Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3%.
  - \* Người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn.
  - \* Tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng của trẻ em ngày càng giảm, nhiều dịch bệnh bị đẩy lùi.
- Hạn chế:
  - \* Chất lượng cuộc sống của dân c còn chênh lệch giữa các vùng.
  - \* Sự phân hóa giàu nghèo còn khá rõ rệt nhất là ở các thành phố lớn.

**C. Củng cố:**

1. Tại sao giải quyết việc làm là vấn đề gay gắt ở nước ta?
2. Nêu một số thành tựu đã đạt được trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống?

**D. Bài tập về nhà:**

1. Su tâm tranh ảnh cuộc sống của nhân dân ta.
2. Hóng dẫn học sinh về nhà làm bài tập 3 SGK, bài tập bản đồ, vở bài tập địa lí lớp 9.

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....  
Ngày dạy: ...../...../.....



## Tiết 5. Bài 5:

# THỰC HÀNH. PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ NĂM 1999.

### Mục tiêu bài học:

- Biết cách phân tích và so sánh tháp dân số.
- Tìm sự thay đổi và xu hướng thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta.
- Xác lập mối quan hệ giữa gia tăng dân số với cơ cấu dân số theo độ tuổi, giữa dân số và phát triển kinh tế-xã hội đất nước.

### Thiết bị cần thiết:

Hai phấp dân số năm 1989 và 1999 phóng to.

### Hoạt động trên lớp:

Hoạt động của thầy-trò	Nội dung chính.
<p><b>+ Hoạt động của trò:</b> Nhắc lại cơ cấu dân số của nước ta?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Giải thích qua lại tháp dân số, cách vẽ.</li><li>- Chia lớp thành 12 nhóm.</li><li>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</li></ul> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 1-6: Câu 1,2.</li><li>- Nhóm 7-12: Câu 1,3.</li></ul> <p>1. Quan sát tháp dân số năm 1989 và 1999. Hãy so sánh 2 tháp dân số về các mặt:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hình dạng của tháp.</li><li>- Cơ cấu dân số theo độ tuổi.</li><li>- Tỷ lệ dân số phụ thuộc.</li></ul> <p>2. Nhận xét sự thay đổi của cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta? Giải thích nguyên nhân?</p> <p>3. Cơ cấu dân số theo độ tuổi ở nước ta có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế — xã hội? Chúng ta cần có biện pháp nào để từng bước khắc phục những khó khăn này?</p> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- cho các nhóm báo cáo kết quả, và nhận xét bổ sung cho nhau.</li><li>- Chuẩn xác kiến thức cần ghi nhớ.</li></ul>	<p><b>1. Phân tích và so sánh:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Hình dạng: Đều có đáy rộng, đỉnh nhọn, chân đáy năm 1999 thu hẹp hơn.</li><li>+ Cơ cấu dân số: Tuổi đời và trong tuổi lao động đều cao nhưng độ tuổi đời lao động năm 1999 ít hơn năm 1989. Độ tuổi ngoài lao động và trong lao động năm 1999 cao hơn năm 1989.</li><li>+ Tỷ lệ dân số phụ thuộc còn cao và thay đổi giữa hai thập kỷ.</li></ul> <p><b>2. Nhận xét:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Thuận lợi;</li><li>+ Khó khăn:</li><li>+ Biện pháp giải quyết:</li><li>- Giảm tốc độ gia tăng tự nhiên.</li><li>- Phân bố lại dân cư và lao động.</li><li>- Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở nông thôn.</li><li>- Phát triển hoạt động công nghiệp, dịch vụ ở các đô thị.</li><li>- Đẩy mạnh hoạt động công nghiệp, giới thiệu việc làm.</li></ul>

### C. Củng cố:

1. Nhìn vào một tháp dân số ta biết được những điều gì?
2. Ôn tập phần địa lý dân cư.

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **ĐỊA LÍ KINH TẾ.**

### **Tiết 6: Bài 6: SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM.**

#### **Mục tiêu bài học:**

- Có những hiểu biết về quá trình phát triển kinh tế nước ta trong những năm gần đây.
- Hiểu xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những thành tựu và những khó khăn trong quá trình phát triển.
- Có kỹ năng phân tích biểu đồ về quá trình diễn biến của hiện tượng địa lí.
- Rèn luyện kỹ năng đọc bản đồ.
- Rèn luyện kỹ năng vẽ biểu đồ cơ cấu và nhận xét.

#### **Thiết bị cần thiết:**

- Bản đồ hành chính Việt Nam.
- Biểu đồ về sự chuyển dịch cơ cấu GDP từ năm 1991-2002.
- Một số tranh ảnh về thành tựu kinh tế nước ta trong quá trình đổi mới.

#### **Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra bài thực hành.

**B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy-trò</b>	<b>Nội dung chính</b>
<b>+ Hoạt động của trò:</b> Đọc phần 1, kết hợp với kiến thức thực tế cho biết nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới có đặc điểm gì? <b>+ Hoạt động của giáo viên:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đưa ra một số dẫn chứng để từ đó khái quát lên đặc điểm nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới.</li><li>- Giải thích cho học sinh khủng hoảng kinh tế.( lạm phát cao, sản xuất bị đình trệ, lạc hậu).</li><li>- Giáo viên chia lớp ra 12 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.</li></ul>	<b>I. Nền kinh tế nước ta trước thời kì đổi mới:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bị thiệt hại nhiều trong chiến tranh.</li><li>- Nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu.</li><li>- Kinh tế rơi vào khủng hoảng kéo dài.</li></ul>

**+ Hoạt động của trò:**

Tìm hiểu phần 2 SGK, h6.1, h6.2, và tra cứu thuật ngữ cuối sách giáo khoa cho biết:

1. Nh thế nào là chuyển dịch cơ cấu kinh tế?
2. Phân tích xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế? Xu hướng này thể hiện rõ ở khu vực nào?
3. xác định các vùng kinh tế trọng điểm? Phạm vi lãnh thổ của các vùng kinh tế trọng điểm?
4. Nguyên nhân của chuyển dịch cơ cấu ngành?

**+ Hoạt động của giáo viên:**

- Gọi ý cho học sinh phân tích h6.1:

\* Năm 1991 N-L-Ng chiếm tỉ trọng lớn nhất( kinh tế chuyển từ bao cấp sang kinh tế thị trường)

\* Năm 1995 bình thông hóa quan hệ Việt Mĩ, gia nhập ASEAN.

\* 1997 khủng hoảng tài chính khu vực ĐNA.

- Hớng dẫn học sinh nhìn sơ đồ6.2 để thấy sự giao thoa giữa các vùng kinh với vùng kinh tế trọng điểm.

- Cho các nhóm báo cáo kết quả, nhận xét bổ sung cho nhau.

- Giáo viên chuẩn xác kiến thức.

**+ Hoạt động của trò:**

Tìm hiểu SGK cho biết:

1. Những thành tựu đã đạt.
2. Những khó khăn cần vượt qua.
3. Hớng giải quyết hiện nay nh thế nào?
4. Lấy một vài ví dụ về khó khăn nớc ta gặp trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

**II. Nền kinh tế nớc ta trong thời kì đổi mới:****1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:**

Đặc trng bởi 3 chuyển dịch.

- Chuyển dịch cơ cấu ngành.
- Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ.
- Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.

**2. Những thành tựu và thách thức:****+ Thành tựu:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế vững chắc.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo h-ớng CNH.
- Sự hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

**+ Khó khăn:**

- Phân hóa giàu nghèo.

- |  |   |
|--|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài nguyên bị khai thác quá mức, môi trường bị ô nhiễm.</li> <li>- Những bất cập trong sự phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.</li> <li>- Vấn đề việc làm.</li> <li>- Những khó khăn trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.</li> </ul> |
|--|---|

### C. Củng cố:

1. Cho học sinh thảo luận về vai trò của các thành phần kinh tế trong các ngành kinh tế của nước ta.

( Trong N-L-Ng vai trò chủ yếu thuộc về kinh tế cá thể và tập thể)

2. Hóng dẫn trả lời câu hỏi và làm bài tập.

### D. Bài tập về nhà:

1. Bài tập 2 SGK trang 23.

2. Làm trong bài tập bản đồ và vở bài tập.

3. Đọc lại các bài: Địa hình, khí hậu, sinh vật, đất, sông ngòi.

## Thiếu một số tiết

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 23: Bài 21.**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

### VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG.

#### Mục tiêu bài học:

- Hiểu được tình hình phát triển kinh tế ở đồng bằng sông Hồng. Trong cơ cấu GDP nông nghiệp vẫn còn chiếm tỉ trọng cao, nhng công nghiệp, dịch vụ đang chuyển biến tích cực.

- Thấy được vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đang tác động mạnh đến sản xuất và đời sống dân c.

- Các thành phố Hà Nội, Hải Phòng là hai trung tâm kinh tế lớn và quan trọng của ĐBSH.

- Biết kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số vấn đề bức xúc của vùng.

#### Các phương tiện dạy học cần thiết:

- Lọc đồ kinh tế vùng ĐBSH.

- Một số tranh ảnh về hoạt động kinh tế ở ĐBSH.

## Hoạt động trên lớp:

### A. Kiểm tra bài cũ:

1. Cho biết ĐBSH có thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế — xã hội ?
2. Làm bài tập số 3 trang 75.

### B. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung chính.
<p>+<u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Quan sát h21.1 Nhận xét sự thay đổi về tỉ trọng công nghiệp trong cơ cấu GDP của vùng ?</p> <p>(1995: 18,3 nghìn tỉ. 2002:55,2 nghìn tỉ.)</p> <p>2. Dựa vào hình 21.2 cho biết địa bàn phân bố của các ngành công nghiệp trọng điểm?</p> <p>3. Kể tên các sản phẩm công nghiệp quan trọng của vùng?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u> Chuẩn xác kiến thức.</p> <p>+<u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Dựa vào bảng 21.1 hãy so sánh năng xuất lúa của ĐBSH với ĐBSCL và cả nước.</p> <p>2. Tìm hiểu nguyên nhân tăng sản lượng lương thực ở ĐBSH (Thâm canh, tăng năng xuất)</p>	<p><b>IV. Tình hình phát triển kinh tế.</b></p> <p>1. <u>Công nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khu vực công nghiệp tăng mạnh về giá trị và tỉ trọng trong cơ cấu GDP của vùng.</li><li>- Các ngành công nghiệp trọng điểm của vùng là: Chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí.</li></ul> <p>2. <u>Nông nghiệp:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghề trồng lúa nước có trình độ thâm canh cao.</li><li>- Vụ đông với nhiều cây trồng a lạnh đang trở thành vụ sản xuất chính.</li><li>- Chăn nuôi lợn phát triển chiếm 27,2 cả nước. Nuôi bò, gia cầm cũng phát triển.</li></ul>
<p>3. Ngoài cây lúa, ở ĐBSH còn trồng cây nào khác?</p> <p>4. Lợi ích của việc đa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính ở ĐBSH?</p> <p>5. Kể một số ngành dịch vụ của vùng? Tại sao dịch vụ đặc biệt là giao thông vận tải lại phát triển mạnh ở ĐBSH?</p> <p>6. Dựa vào bản đồ xác định vị trí và nêu ý nghĩa KT-XH của sân bay Nội Bài và cảng Hải Phòng?</p> <p>7. Kể một số địa danh du lịch của vùng?</p> <p>8. Tìm các trung tâm kinh tế lớn của vùng? Nêu các ngành kinh tế của mỗi trung tâm?</p> <p>9. Đọc tên các tỉnh thành phố trong địa bàn kinh tế trọng điểm?</p>	<p>3. <u>Dịch vụ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Dịch vụ phát triển đặc biệt là dịch vụ vận tải, bu chính viễn thông và du lịch.</li></ul> <p><b>V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.</b></p>

### C. Củng cố:

1. Cho học sinh chỉ lại các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ?Nêu ý nghĩa của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của vùng ĐBSH,vùng TD và MNBB?

2. ĐBSH có thuận lợi và khó khăn gì để phát triển sản xuất lương thực?

**D.Bài tập về nhà:**

1. câu 2,3 sách giáo khoa trang 79.
2. Hóng dẫn làm trong tập bản đồ và vở bài tập địa lí 9.
- 3.Tìm hiểu trước bài 22 trang 80.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 24: Bài 22: THỰC HÀNH**

**Vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người.**

**Mục tiêu bài học:**

- Rèn luyện kỹ năng biểu đồ trên cơ sở xử lý số liệu.
- Phân tích mối quan hệ giữa dân số, sản lượng lương thực, và bình quân lương thực theo đầu người để củng cố kiến thức đã học về vùng ĐBSH, một vùng đất chật người đông, mà giải pháp quan trọng là thâm canh tăng vụ và tăng năng suất.
- Biết suy nghĩ về các giải pháp phát triển bền vững.

**Các phương tiện dạy học cần thiết:**

- Thước kẻ, máy tính bỏ túi, bút chì, hộp màu và vở thực hành.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

Sản xuất lương thực ở ĐBSH có tầm quan trọng như thế nào? ĐBSH có những thuận lợi và khó khăn gì để phát triển sản xuất lương thực?

**B. Bài mới:**

**I. Bài tập 1:**

+ Hoạt động của thầy:

1. Gọi một học sinh khá lên bảng
2. Hóng dẫn đồng thời học sinh đọc gọi lên bảng và cả lớp vẽ biểu đồ về ba đồng trong một hệ trục.

+ Hoạt động của trò:

- Vẽ biểu đồ ba đồng biểu diễn trên cùng một hệ trục (chia tỉ lệ chính xác).

**II. Bài tập 2:**

+ Hoạt động của thầy:

1. Gọi ý cho học sinh dựa vào biểu đồ nhận xét biến trình của các đồng và cũng để thấy thực tế tình hình sản xuất có cải thiện: tổng sản lượng và bình quân lương thực đầu người phát triển nhanh hơn sự gia tăng dân số.
2. Chia nhóm để các nhóm thảo luận theo câu hỏi a, b, c.

+ Hoạt động của trò:

1. Dựa vào biểu đồ nhận xét tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực đầu người ở ĐBSH?
2. Tìm hiểu trả lời các câu hỏi a, b, c dựa vào bài 20, 21.

+ Hoạt động của thầy:

1. Cho các nhóm phát biểu, bổ sung cho nhau.
2. Chuẩn xác kiến thức, nhận xét cho điểm khuyến khích.
  - a- Thuận lợi.
  - b- Khó khăn.

+ Chú ý:

- a, Cần đầu tư vào các khâu thủy lợi, cơ khí hóa khâu làm đất, giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, công nghệ chế biến.
- b, Vai trò của vụ đông: Ngô đông có năng suất cao, ổn định, diện tích đang mở rộng chính là nguồn lương thực, nguồn thức ăn gia súc quan trọng.

c, Tỷ lệ gia tăng dân số của ĐBSH giảm mạnh do việc triển khai chính sách dân số KHHGĐ có hiệu quả.

- Cùng với sự phát triển nông nghiệp bình quân lương thực đạt hơn 400kg/người (vùng đã bắt đầu tìm kiếm thị trường để xuất khẩu một phần lương thực )

**C. Hoạt động nối tiếp:**

1. Đọc trước bài 23.
2. Tìm hiểu thực tế về tự nhiên và dân cư của vùng BTB ( Thanh Hóa).



**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **Bài 23: VÙNG BẮC TRUNG BỘ.**

### **Mục tiêu bài học:**

- Củng cố sự hiểu biết về đặc điểm vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ, những điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và xã hội của vùng Bắc Trung Bộ.
- Thấy được những khó khăn do thiên tai, chiến tranh gây nên. Các biện pháp khôi phục và triển vọng phát triển của vùng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Biết đọc lược đồ và khai thác kiến thức để trả lời theo câu hỏi dẫn dắt.
- Biết vận dụng tính tổng hợp không gian lãnh thổ theo hướng B — N, Đ - T trong phân tích một số vấn đề tự nhiên và dân cư — xã hội BTB.
- Su tầm tài liệu để làm bài tập.

### **Các phương tiện dạy học cần thiết:**

- Lược đồ vùng Bắc Trung Bộ.
- Một số tranh ảnh về vùng Bắc Trung Bộ.

### **Hoạt động trên lớp:**

#### **A. Kiểm tra bài cũ:**

#### **B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy □ trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Quan sát bản đồ tự nhiên kết hợp với lược đồ 23.1 cho biết: 1. Xác định biên giới trên đất liền, dãy Trường Sơn bắc và đồng bờ biển? 2. Vị trí của vùng có ý nghĩa gì?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u> Chuẩn xác lại kiến thức.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> 1. Quan sát h23.1 và dựa vào kiến thức đã học, cho biết dãy Trường Sơn bắc ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu của vùng? 2. Quan sát bản đồ tự nhiên nhận xét địa hình từ T - Đ? 3. Dựa vào h23.1 và h23.2 so sánh tài nguyên rừng và khoáng sản phía bắc và nam dãy Hoàng Sơn? 4. Nơi nào trong vùng được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới? 5. BTB thường xảy ra những thiên tai gì? Giải pháp phát triển kinh tế — xã hội trong điều kiện tự nhiên khó khăn ở BTB?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u> - Chia lớp ra 12 nhóm. - Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Hoạt động nhóm 1. Quan sát bảng 23.1 cho biết những khác biệt trong cư trú và hoạt động kinh tế giữa phía đông và phía tây của BTB? 2. Dựa vào bảng 23.2 hãy nhận xét sự chênh lệch các chỉ tiêu của vùng so với cả nước?</p>	<p><b>I. Vị trí địa lí và giới hạn:</b> - Cầu nối giữa Bắc Bộ với các vùng phía nam. - Cửa ngõ của các nước tiểu vùng sông Mê Công ra biển Đông và ngược lại.</p> <p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:</b> - Khí hậu: Phía đông của dãy Trường Sơn bắc có khí hậu khác phía tây. - Tiềm năng rừng phía bắc dãy Hoàng Sơn phong phú hơn phía nam. - Vùng thông xuyên gặp thiên tai như bão, lụt, gió Lào, lũ quét, cát lún, cát bay, hạn hán.</p> <p><b>III. Đặc điểm dân cư, xã hội:</b> - Là địa bàn cư trú của 25 dân tộc. - Đời sống còn gặp nhiều khó khăn.</p>

<p>3. Dựa vào mục III và hiểu biết thực tế hãy trình bày đặc điểm dân cư và nguồn lao động của vùng kinh tế BTB?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn xác kiến thức, rút ra kết luận.</li> <li>- Thuyết trình về Cố đô Huế, dự án xây dựng khu kinh tế mở trên vùng biên giới Việt — Lào và dự án phát triển hành lang đông — tây sẽ mở ra nhiều triển vọng phát triển kinh tế cho vùng BTB.</li> </ul>	<p>- Dân cư có truyền thống lao động cần cù, dũng cảm, giàu nghị lực trong đấu tranh chống thiên tai và giặc ngoại xâm.</p>
--	---

### C. Củng cố:

1. Điều kiện tự nhiên của BTB có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế xã hội?
2. Phân bố dân cư ở BTB có đặc điểm gì?

### D. Hoạt động nối tiếp:

1. Làm bài tập 3 trang 85 sách giáo khoa.
2. Hướng dẫn làm bài tập trong tập bản đồ.
3. Đọc trước bài 24.

**Tiết 26: Bài 24: VÙNG BẮC TRUNG BỘ**

**Mục tiêu bài học:**

- Hiểu được so với các vùng kinh tế trong nước Bắc Trung Bộ tuy còn nhiều khó khăn nhưng đang đứng trước triển vọng lớn.
- Nắm vững phương pháp nghiên cứu sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu một số vấn đề kinh tế ở BTB.
- Vận dụng tốt sự kết hợp kênh hình và kênh chữ để trả lời các câu hỏi dẫn dắt.
- Biết đọc phân tích biểu đồ, lược đồ, tiếp tục hoàn thiện kỹ năng sưu tầm tài liệu theo chủ đề.

**Các phương tiện dạy học cần thiết:**

- Lược đồ kinh tế Bắc Trung Bộ.
- Nếu có điều kiện, chuẩn bị đĩa CD-ROM hướng dẫn cho học sinh xem một đoạn về thành phố Huế, về Kim Liên.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Điều kiện tự nhiên của BTB có thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế- xã hội.

2. Cho một số học sinh đọc sưu tầm về vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng hoặc thành phố Huế.

**B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy □ trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chia lớp thành 12 nhóm.</li><li>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</li><li>- Hướng dẫn các em quan sát h24.1, h24.2, h24.3, h24.4 kết hợp với hiểu biết thực tế và kiến thức đã học cho biết:</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Thảo luận trả lời câu hỏi.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhận xét mức độ đảm bảo lương thực ở BTB?</li><li>2. Những khó khăn khi phát triển lương thực ở BTB?</li><li>3. Xác định vùng nông lâm kết hợp và ý nghĩa của việc trồng rừng ở BTB?</li><li>4. Nhận xét về tình hình sản xuất nông nghiệp của vùng?</li><li>5. Nhận xét về tình hình sản xuất công nghiệp của vùng?</li><li>6. Bắc Trung Bộ phát triển mạnh những ngành công nghiệp nào?</li><li>7. Xác định các cơ sở khai thác khoáng sản thiếc, crôm, titan, đá vôi.</li><li>8. Quan sát hình 24.3, xác định vị trí các quốc lộ 7, 8, 9 và nêu tầm quan trọng của các tuyến đường này?</li><li>9. Kể tên một số điểm du lịch BTB? Nếu ta đi du lịch từ Thanh Hóa đến Đà Nẵng thì tua du lịch đi qua những địa danh nổi tiếng nào?</li><li>10. Dựa vào hình 24.3 xác định những thành phố lớn</li></ol>	<p><b>IV. Tình hình phát triển kinh tế:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. <u>Nông nghiệp:</u><ul style="list-style-type: none"><li>- Bắc Trung Bộ đang nỗ lực phát triển sản xuất nông nghiệp bằng việc tăng cường đầu tư thâm canh trong sản xuất lương thực, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.</li></ul></li><li>2. <u>Công nghiệp:</u><ul style="list-style-type: none"><li>- Khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng là hai ngành có thế mạnh nhất của vùng.</li><li>- Vùng còn phát triển ngành: Chế biến gỗ, cơ khí, may mặc, chế biến thực phẩm...</li></ul></li><li>3. <u>Dịch vụ:</u></li></ol>

<p>và những ngành công nghiệp chủ yếu của các thành phố này?</p>	<p>Phát triển mạnh dịch vụ giao thông vận tải và dịch vụ du lịch.</p> <p><b><u>V. Các trung tâm kinh tế.</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh Hóa.</li> <li>- Vinh.</li> <li>- Huế.</li> </ul>
--	--

**C. Củng cố:** 1. Nêu những thành tựu và khó khăn trong phát nông nghiệp, công nghiệp ở BTB?

1. Tại sao nói du lịch là thế mạnh của BTB?

**D. Hoạt động nối tiếp:**

1. Hóng dẫn làm bài tập.
2. Su tầm tài liệu về quê Bác.
3. Tìm hiểu bài 25.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 27: Bài 25:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.

### Mục tiêu bài học:

- Khắc sâu sự hiểu biết qua các bài học về vùng duyên hải Nam Trung Bộ là nhịp cầu nối giữa Bắc Trung Bộ với Đông Nam Bộ, giữa Tây Nguyên với biển Đông, là vùng có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của đất nước ta.
- Nắm vững phương pháp so sánh sự tương phản lãnh thổ trong nghiên cứu vùng duyên hải miền Trung.
- Kết hợp đọc kênh chữ và kênh hình để giải thích một số vấn đề của vùng.

### Các phương tiện dạy học cần thiết:

- Lược đồ tự nhiên vùng duyên hải Nam trung Bộ.
- Tranh ảnh về vùng duyên hải Nam trung Bộ.

### Hoạt động trên lớp:

#### A- Kiểm tra bài cũ:

1. Nêu những thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp ở Bắc Trung Bộ?
2. Tại sao nói du lịch là thế mạnh kinh tế của Bắc trung Bộ?

#### B- Bài mới:

Hoạt động của thầy □ trò.	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Treo bản đồ Nam Trung Bộ.</li><li>- Hướng dẫn học sinh quan sát bản đồ, lược đồ 25.1 và tìm hiểu mục 1.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Xác định vị trí giới hạn của vùng?</li><li>2. Xác định vị trí quần đảo Hoàng Sa, trường Sa, Đảo Lý Sơn, Phú Quý?</li><li>3. Ý nghĩa của vị trí địa lý của vùng?</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chuẩn xác kiến thức.</li><li>- Nêu ý nghĩa về an ninh quốc phòng của 2 huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Quan sát lược đồ 25.1 cho biết đặc điểm địa hình của vùng/</li><li>2. Vì sao màu xanh của đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ không rõ nét như đồng bằng Bắc Trung Bộ, không liên tục như đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?</li><li>3. Tìm trên lược đồ 25.1:<ul style="list-style-type: none"><li>- Các vịnh Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh.</li><li>- Các bãi tắm và các địa điểm du lịch nổi tiếng.</li></ul></li><li>4. Khí hậu, sông ngòi của vùng có đặc điểm gì?</li><li>5. Nam trung Bộ có những tài nguyên gì? Thuận lợi phát triển ngành kinh tế nào?</li><li>6. Vùng thường xuyên gặp những khó khăn gì về tự</li></ol>	<p><b>I Vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.</li><li>- Có hai huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa.</li><li>- Các cảng biển duyên hải NTB là cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên.</li></ul> <p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:</b></p> <p>+ Địa hình:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đồng bằng nhỏ hẹp bị các nhánh núi chia cắt ở phía đông.</li><li>- Phía tây là địa hình núi, đồi, gò.</li></ul> <p>+ Khí hậu: Không có mùa đông lạnh, mùa khô kéo dài.</p> <p>+ Sông ngòi: Nhỏ, ngắn, dốc, lũ đột ngột.</p> <p>+ Tài nguyên:- Đất phù sa, đất rừng chân núi.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thủy sản, tổ yến.</li></ul>



**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 28: Bài 26:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu biết về duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng lớn về kinh tế biển. Thông qua việc nghiên cứu cơ cấu kinh tế, học sinh nhận thức được sự chuyển biến mạnh mẽ trong kinh tế cũng nh xã hội của vùng.
- Thấy được vai trò của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đang tác động mạnh tới sự tăng trưởng và phát triển kinh tế ở duyên hải Nam Trung Bộ.
- Tiếp tục rèn luyện kĩ năng kết hợp kênh chữ với kênh hình để phân tích và giải thích một số vấn đề quan tâm trong điều kiện vị thế của duyên hải Nam Trung Bộ.
- Đọc, xử lí số liệu và phân tích quan hệ không gian: Đất liền-biển và đảoduyên hải Nam Trung Bộ với Tây Nguyên.

### Thiết bị cần thiết:

- Lược đồ kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ.
- Một số tranh ảnh .

### Hoạt động trên lớp:

#### A. Kiểm tra bài cũ:

- 1.Nêu thuận lợi và khó khăn trong phát triển kinh tế của duyên hải Nam Trung Bộ.
2. Phân bố dân c Nam Trung Bộ có đặc điểm gì?Tại sao phải đẩy mạnh công tác xóa đói,gảm nghèo ở vùng đồi núi phía tây?

#### B.Bài mới:

Hoạt động của thầy-trò.	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1.Dựa vào bảng 26.1 giải thích vì sao chăn nuôi bò, khai thác và nuôi trồng thủy sản lại là thế mạnh của vùng?</li><li>2.Từ mục 1 và thực tế cho biết khi phát triển kinh tế vùng gặp khó khăn gì?</li><li>3.Quan sát h26.1 hãy xác định các bãi tôm, bãi cá?</li><li>4.Vì sao vùng biển Nam Trung Bộ nổi tiếng về nghề muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản?</li><li>5. Kể các cây trồng, vật nuôi? Nơi phân bố?</li><li>6. Vùng đã có biện pháp gì để hạn chế khó khăn?</li><li>7. Dựa vào h26.2nhận xét sự tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của duyên hải Nam Trung Bộ so với cả nước?</li><li>8.Dựa vào h26.1 cho biết các trung tâm công nghiệp lớn của vùng và nêu các ngành chuyên môn hóa của mỗi trung tâm? Nhận xét cơ cấu ngành công nghiệp của vùng?</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận xét.</li><li>- Chuẩn xác kiến thức.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p>	<p><b>IV.Tình hình phát triển kinh tế:</b></p> <p><b>1. Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Chăn nuôi bò phát triển mạnh.</li><li>- Ng nghiệp là thế mạnh của vùng chiếm 27,4% giá trị thủy sản của cả nước.</li><li>- Nghề làm muối phát triển mạnh.</li></ul> <p><b>2. Công nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cơ cấu công nghiệp của vùng bức đầu hình thành và khá đa dạng gồm:Cơ khí, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng.</li><li>- Một số cơ sở khai thác khoáng sản đang hoạt động nh khai thác cát, titan.</li></ul>

<p>1. Vị trí địa lí của vùng có thuận lợi gì cho dịch vụ giao thông vận tải?</p> <p>2. Vùng có những tài nguyên du lịch nào? Tìm một số điểm du lịch của vùng?</p> <p>3. Dựa vào h26.1 xác định vị trí của các thành phố: Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang. Vì sao các thành phố này được coi là cửa ngõ của Tây Nguyên?</p> <p>4. Vùng kinh tế trọng điểm miền trung gồm những tỉnh nào? Nó có ý nghĩa gì?</p>	<p><b>3. Dịch vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ vận tải và du lịch phát triển mạnh.</li> <li>- Tập trung ở các thành phố, thị xã nh Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang</li> </ul> <p><b>V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vùng kinh tế trọng điểm miền trung có tầm quan trọng không chỉ với vùng duyên hải Nam Trung Bộ mà với cả Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.</li> </ul>
---	---

### C. Củng cố:

1. Cho học sinh xác định lại giới hạn của vùng duyên hải Nam Trung Bộ? Duyên hải Nam Trung Bộ đã khai thác tiềm năng kinh tế biển nh thế nào?
2. Nêu những thuận lợi và khó khăn khi phát triển kinh tế của vùng?
3. Hớng dẫn làm bài tập 3 trang 99 sách giáo khoa.

### D. Bài tập về nhà:

1. Làm bài 3 trang 99 sách giáo khoa.
2. Làm bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập.
3. Tìm hiểu trước bài 27.



**TUẦN:**

**TIẾT:**

Tiết 29: **Bài 27:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **THỰC HÀNH.**

### **Kinh tế biển của Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.**

#### **Mục tiêu bài học:**

- Củng cố sự hiểu biết về cơ cấu kinh tế biển ở cả hai vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ bao gồm hoạt động của các cảng biển, nuôi trồng và đánh bắt hải sản, nghề muối, chế biến thủy sản xuất khẩu, du lịch và dịch vụ biển.
- Tiếp tục hoàn thiện phương pháp đọc bản đồ, phân tích số liệu thống kê, liên kết không gian kinh tế Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ.

#### **Thiết bị cần thiết:**

- Bản đồ treo tường địa lí tự nhiên hoặc kinh tế Việt Nam.
- Học sinh chuẩn bị thước kẻ, máy tính bỏ túi, bút chì, át lát địa lí Việt Nam.

#### **Hoạt động trên lớp:**

##### **A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Duyên hải Nam Trung Bộ khai thác tiềm năng kinh tế biển nh thế nào?
2. Tầm quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền trung đối với sự phát triển kinh tế ở Bắc Trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên?

##### **B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy □ trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Treo bản đồ tự nhiên Việt Nam.</li><li>- Chia lớp thành 12 nhóm.</li><li>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm: Nhóm 1 — 3: Tìm các cảng biển. Nhóm 4 — 6: Bãi cá, bãi tôm. Nhóm 7 — 9: Cơ sở sản xuất muối. Nhóm 10 — 12: Bãi biển có giá trị du lịch.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Dựa vào h23.3, h26.1 trả lời câu hỏi theo nhóm.</li><li>2. Các nhóm báo cáo nhận xét, bổ sung cho nhau.</li><li>3. Nhóm 1 — 12: Đánh giá tiềm năng kinh tế biển duyên hải miền Trung ( kinh tế cảng, đánh bắt hải sản, sản xuất muối, du lịch, tham quan nghỉ dưỡng)</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Cho học sinh đánh giá rút ra tiềm năng về kinh tế biển của duyên hải miền Trung?</li><li>2. Phân tích bảng số liệu 27.1?</li><li>3. Tính tỉ trọng về sản lượng thủy sản của từng vùng?</li><li>4. Giải thích sự khác biệt về sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng giữa hai vùng.</li></ol>	<p><b>I. Bài tập 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Các cảng biển: Cửa Lò, Nhật Lệ, Thuận An, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Dung Quất.</li><li>- Bãi cá:</li><li>- Bãi tôm:</li><li>- Cơ sở sản xuất muối: Cà Ná, Sa Huỳnh.</li><li>- Bãi biển có giá trị du lịch: Sầm Sơn, Cửa Lò, Non Nổi, Nha Trang, Mũi Né...</li></ul> <p><b>II. Bài tập 2:</b></p>

	Toàn vùng duyên hải miền Trung.	Bắc Trung Bộ.	Duyên hải Nam Trung Bộ.
TS nuôi trồng.	100%		
TS khai thác	100%		

**C. Bài tập về nhà:**

1. Hoàn thành tiếp bài thực hành.
2. Tìm hiểu trước bài 28.

## VÙNG TÂY NGUYÊN.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu Tây Nguyên có vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế — xã hội, an ninh quốc phòng đồng thời có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn để phát triển kinh tế — xã hội. Tây Nguyên là vùng sản xuất hàng hóa nông sản xuất khẩu lớn của cả nước chỉ sau đồng bằng sông Cửu Long.
- Tiếp tục rèn luyện kỹ năng kết hợp kênh chữ và kênh hình để nhận xét, giải thích một số vấn đề tự nhiên và dân c, xã hội của vùng.
- Phân tích số liệu trong bảng để khai thác thông tin theo câu hỏi dẫn dắt.

### Thiết bị cần thiết:

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- lược đồ tự nhiên vùng Tây Nguyên.
- Một số tranh ảnh về Tây Nguyên.

### Hoạt động trên lớp:

#### A. Kiểm tra bài cũ:

1. Vì sao có sự chênh lệch về sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác giữa hai vùng Bắc Trung Bộ và DH Nam Trung Bộ?
2. Nhắc lại các vùng kinh tế đã học? Chỉ vị trí của các vùng trên bản đồ?

#### B. Bài mới:

Hoạt động của thầy □ trò.	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của giáo viên</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Treo bản đồ tự nhiên Việt Nam.</li><li>- Yêu cầu học sinh đọc nhanh mục I.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò</u>:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Xác định vị trí vùng Tây Nguyên?</li><li>2. Ý nghĩa của vị trí địa lí?</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cho học sinh chỉ vị trí vùng Tây Nguyên trên bản đồ.</li><li>- Chuẩn xác lại kiến thức.</li><li>- Chia lớp thành 12 nhóm.</li></ul> <p>+ <u>Hoạt động của trò</u>: Làm việc theo nhóm.</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Quan sát bản đồ tự nhiên Việt Nam và lược đồ tự nhiên của Tây Nguyên cho biết:<ul style="list-style-type: none"><li>- Đặc điểm địa hình Tây Nguyên?</li><li>- Các sông lớn ở Tây Nguyên?</li><li>- Ý nghĩa của việc bảo vệ rừng đầu nguồn ở Tây Nguyên?</li></ul></li><li>2. Tìm hiểu mục II, qua h28.1, bảng 28.1 và kiến thức đã học cho biết:<ul style="list-style-type: none"><li>- Đặc điểm khí hậu ở Tây Nguyên?</li><li>- Tây Nguyên có tài nguyên gì? Nhận xét sự phân bố các vùng đất đỏ ba dan và các mỏ khoáng?</li><li>- Tây Nguyên có thể phát triển những ngành kinh tế</li></ul></li></ol>	<p><b>I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm 5 tỉnh.</li><li>- Diện tích: 54475km<sup>2</sup>.</li><li>- Dân số: 4,4 triệu (năm 2002)</li><li>- Có vị trí chiến lược quan trọng đối với cả nước về kinh tế cũng nh quốc phòng ( ngã 3 biên giới giữa 3 nước )- Mở rộng giao lu kinh tế, văn hóa với các vùng trong nước và các nước tiểu vùng sông Mê Công.</li></ul> <p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Địa hình: Cao nguyên xếp tầng.</li><li>+ Khí hậu: Mát, phân hóa theo độ cao, chia làm 2 mùa ma, khô rõ rệt.</li><li>+ Sông ngòi: Nơi bắt nguồn của các sông Xê Xan, Prêpóc, sông Ba, sông Đồng Nai...</li><li>+ Tài nguyên: Đất, rừng, khoáng sản, thủy điện, du lịch.</li></ul>

<p>gì?</p> <p>- Khi phát triển kinh tế Tây Nguyên gặp khó khăn gì?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cho các nhóm báo cáo, bổ sung cho nhau.</li> <li>2. Giáo viên chuẩn xác kiến thức, cho điểm khuyến khích.</li> </ol> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Dựa vào mục III, bảng 28.2 hãy.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhận xét về tình hình dân c xã hội ở Tây Nguyên?</li> <li>2. Đặc điểm dân c xã hội ở Tây Nguyên?</li> <li>3. Kể một số công trình kinh tế lớn ở Tây Nguyên?</li> <li>4. Nhiệm vụ đặt ra hiện nay là gì?</li> </ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn xác kiến thức.</li> </ol> <p>( Công trình lớn: Thủy điện Yali, đồng dây cao thế 500 kv, đồng Hồ Chí Minh. )</p>	<p><b>III. Đặc điểm dân c xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa bàn c trú của nhiều dân tộc ít người.</li> <li>- Mật độ dân số thấp.</li> <li>- Dân c phân bố không đều.</li> <li>- Gia tăng dân số cao.</li> <li>- Đời sống dân c được cải thiện đáng kể.</li> <li>- Nhiệm vụ đặt ra hiện nay là: Ngăn chặn nạn phá rừng, bảo vệ đất, rừng và động vật hoang dã, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đầu t phát triển kinh tế nâng cao đời sống.</li> </ul>
---	--

### C. Củng cố:

1. Xác định vị trí Tây Nguyên trên bản đồ? Ý nghĩa của vị trí?
2. Thuận lợi và khó khăn của Tây Nguyên khi phát triển kinh tế — xã hội?

### D. Hoạt động nối tiếp:

1. Làm bài tập 3 sách giáo khoa trang 105.
2. Làm bài tập trong vở bài tập và tập bản đồ.
3. Tìm hiểu trước bài 29.

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **Bài 29: VÙNG TÂY NGUYÊN.**

### **Mục tiêu bài học:**

- Nhờ thành tựu của công cuộc đổi mới mà Tây Nguyên phát triển khá toàn diện về kinh tế - xã hội. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nông nghiệp, lâm nghiệp có sự chuyển biến theo hướng sản xuất hàng hóa. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần.
- Nhận biết được vai trò trung tâm kinh tế vùng của một số thành phố như PLây Ku, Buôn Ma Thuột, Đà Lạt.
- Biết kết hợp kênh hình và kênh chữ để nhận xét và giải thích một số vấn đề bức xúc ở Tây Nguyên.
- Đọc biểu đồ, lược đồ theo câu hỏi dẫn dắt.

### **Thiết bị cần thiết:**

- Lược đồ kinh tế Tây Nguyên.
- Một số tranh ảnh.

### **Hoạt động trên lớp:**

#### **A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Làm bài tập 3 trang 105.
2. Trong xây dựng và phát triển kinh tế Tây Nguyên có thuận lợi và khó khăn gì?

#### **B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy □ trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p>+ <u>Hoạt động của thầy:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chia lớp thành 12 nhóm.</li><li>2. Hướng dẫn các nhóm tìm hiểu phần 1 và bảng 29.1, bảng 29.2 .</li><li>3. Giao nhiệm vụ cho các nhóm:<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 1 — 6: Câu 1, 2, 3.</li><li>- Nhóm 7 — 12: Câu 4, 5, 6.</li></ul></li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhận xét diện tích và sản lượng của cây cà phê so với cả nước?</li><li>2. Vì sao cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên?</li><li>3. Xác định các vùng trồng cà phê, cao su, chè ở Tây Nguyên?</li><li>4. Nhận xét tình hình phát triển nông nghiệp ở Tây Nguyên? (tính tốc độ tăng trưởng)</li><li>5. Tại sao hai tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng lại dẫn đầu vùng về giá trị sản xuất nông nghiệp?</li><li>6. Lâm nghiệp của vùng phát triển như thế nào?</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Cho các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét bổ sung cho nhau.</li><li>2. Giáo viên chuẩn xác kiến thức.</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>Tìm hiểu phần 2 và bảng 29.2 cho biết:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tốc độ phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên và</li></ol>	<p><b>IV. Tình hình phát triển kinh tế:</b></p> <p><b>1. Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng.</li><li>- Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ hai của cả nước (sau Đông Nam Bộ). Các cây công nghiệp quan trọng là: Cà phê, cao su, điều...</li><li>- Lâm nghiệp cũng phát triển mạnh</li></ul>

cả nước?

2. Nhận xét tình hình phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên?

3. Nêu ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Tây Nguyên?

(Lợi về nguồn năng lượng, nguồn nước, thúc đẩy bảo vệ và phát triển rừng, góp phần ổn định nguồn sinh thủy cho các dòng sông)

4. Tìm vị trí của các nhà máy thủy điện YaLi, Đrây Hinh?

5. Cho biết ở Tây Nguyên phát triển mạnh những ngành dịch vụ nào?

6. Nêu các tiềm năng du lịch sinh thái ở Tây Nguyên?

+ Hoạt động của giáo viên:

1. Chuẩn xác kiến thức.

2. Treo lược đồ kinh tế Tây Nguyên.

+ Hoạt động của trò:

Dựa vào h29.1, h14.1 và lược đồ kinh tế Tây Nguyên:

1. Xác định các thành phố lớn ở Tây Nguyên?

2. Xác định các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên?

3. Xác định các quốc lộ nối các thành phố của Tây Nguyên với thành phố Hồ Chí Minh và các cảng biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ?

## 2. Ngành công nghiệp:

- công nghiệp của vùng chiếm tỉ trọng thấp nhưng đang triển biến tích cực.

- Phát triển mạnh công nghiệp thủy điện, chế biến nông, lâm sản.

## 3. Dịch vụ:

- dịch vụ phát triển mạnh xuất khẩu nông, lâm sản và du lịch.

## V. Các trung tâm kinh tế:

- Buôn Ma Thuột.

- Đà Lạt.

- PLây Ku.

## C. Củng cố:

1. Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì trong sản xuất nông, lâm nghiệp?

2. Tại sao Tây Nguyên có thế mạnh về du lịch.

## D. Hoạt động nối tiếp:

1. Hóng dẫn học sinh làm bài tập về nhà trong vở bài tập và tập bản đồ.

2. Su tầm tài liệu về thành phố Đà Lạt.

3. Ôn tập từ bài 17 đến bài 29.

## **ÔN TẬP.**

### **Mục tiêu bài học:**

- củng cố lại kiến thức về vùng kinh tế ( trung du và miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Bắc trung Bộ, duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên ).
- Rèn luyện kĩ năng phân tích lược đồ, biểu đồ, bản đồ và vẽ biểu đồ.
- Phân tích mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên, xã hội đến phát triển kinh tế.

### **Thiết bị cần thiết:**

- Bản đồ tự nhiên và bản đồ kinh tế Việt Nam.
- Một số lược đồ kinh tế của các vùng.
- At lát địa lí Việt Nam.

### **Hoạt động trên lớp:**

#### **A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Kể các vùng kinh tế mà em đã đọc học, xác định vị trí của các vùng trên bản đồ Việt Nam?
2. Mỗi vùng kinh tế em đã đọc tìm hiểu những gì?

#### **B. Bài mới:**

+ Hoạt động của giáo viên: Hệ thống kiến thức đã học:

+ Hoạt động của trò:

1. Dựa vào kiến thức đã học hoàn thành bảng sau:

Vùng kinh tế.	ĐKST nông nghiệp.	ĐK kinh tế — xã hội.	Trình độ thâm canh.	Nông nghiệp.	Công nghiệp.	Dịch vụ.
Trung du miền núi Bắc Bộ.						
Đồng bằng sông Hồng.						
Bắc Trung Bộ.						
Duyên hải Nam Trung Bộ.						
Tây Nguyên.						

2. Vẽ biểu đồ so sánh diện tích và dân số của các vùng ( 5 vùng đã học). Rút ra nhận xét gì?

Giải thích tại sao lại có sự khác nhau giữa sản phẩm nông nghiệp của Tây Nguyên và trung du miền núi Bắc Bộ?

#### **C. Bài tập về nhà:**

1. Ôn tập lại phần kiến thức đã học.
2. Ôn lại cách vẽ biểu đồ.
3. Nhận xét biểu đồ, bảng số liệu.
4. Phân tích lược đồ.

5. Phân tích mối quan hệ giữa tự nhiên, dân c, kinh tế.
6. Chuẩn bị tiết sau thi hết kì



**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## KIỂM TRA HẾT KÌ I.

### Mục tiêu bài học:

- Kiểm tra đánh giá mức độ hiểu các đặc điểm chính về điều kiện tự nhiên, dân c, kinh tế của các vùng đã học.
- Kiểm tra khả năng t duy, tổng hợp, so sánh và cách làm bài của học sinh

### Đề bài:

#### I. Phần trắc nghiệm: ( 3đ )

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước ý mà em cho là đúng nhất trong các câu sau:

1. ý nào không thuộc thế mạnh kinh tế của trung du và miền núi Bắc Bộ:

- A. Khai thác khoáng sản phát triển thủy điện.
- B. Trồng cây công nghiệp lâu năm, hoa quả cận nhiệt và ôn đới.
- C. Trồng cây lương thực chăn nuôi gia cầm.
- D. trồng và bảo vệ rừng.

2. Ngành công nghiệp của Bắc Trung Bộ chưa phát triển tưng xướng với tiềm năng là do:

- A. Lãnh thổ hẹp ngang, quỹ đất hạn chế, nhiều thiên tai.
- B. Thiếu tài nguyên khoáng sản và nguyên liệu.
- C. Thiếu lao động.
- D. Cơ sở hạ tầng còn yếu kém và hậu quả của chiến tranh kéo dài.

3. Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số:

- A. Rất cao.
- B. Cao nhất trong các vùng của cả nước.
- C. Thuộc loại cao của cả nước.
- D. Thuộc loại cao nhất cả nước.

#### II. Phần tự luận:

**Câu 1:** ( 3đ ).Nêu sự khác nhau về cơ cấu cây công nghiệp lâu năm giữa trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên. Giải thích vì sao có sự khác nhau đó?

**Câu 2:** ( 4đ ). Dựa vào bảng thống kê dưới đây:

Long thực có hạt bình quân đầu người thời kì 1995-2002. ( kg ).

Năm	1995	1998	2000	2002
Cả nước.	363,1	407,6	444,8	463,8
Bắc Trung Bộ.	235,2	251,6	302,1	333,7

- a, Vẽ biểu đồ so sánh long thực có hạt bình quân đầu người của Bắc Trung Bộ và cả nước.
- b, Rút ra nhận xét và giả thích vì sao?

### Đáp án và biểu chấm.

#### I. Phần trắc nghiệm:

Mỗi câu đúng đọc 1 điểm.

1. câu C, 2 câu D, 3 câu B.

#### II. Phần tự luận:

**Câu 1:** (3đ).

+ Khác nhau: (1đ).

- Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu trồng chè và một số cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới nh hồi, sơn, quế. ( 0,5đ ).

- Tây Nguyên trồng chủ yếu là cây xứ nóng nh cà phê, hồ tiêu, cao su trong đó nhiều nhất là cà phê. Ngoài ra còn trồng nhiều chè đứng thứ hai sau trung du và miền núi Bắc Bộ. ( 0,5đ ).

+ Giải thích: ( 2đ ).

- Do có sự khác nhau về điều kiện tự nhiên. ( 0,25đ ).
- Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có mùa đông lạnh nhất cả nước, điều kiện khí hậu và đất đai thuận lợi cho cây chè phát triển, khí hậu có mùa đông lạnh và những vùng núi cao có khí hậu mát quanh năm là điều kiện thuận lợi cho việc trồng các cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới. ( 0,75 ).
- Tây Nguyên khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, nhiều đất ba dan thuận lợi cho việc trồng các cây công nghiệp nhiệt đới đặc biệt là cà phê. ( 0,75 ).
- Những nơi địa hình cao có khí hậu mát quanh năm thích hợp cho việc trồng chè. (0,25 ).

**Câu 2:** ( 4đ ).

+ Vẽ biểu đồ đúng, đẹp ( 2đ ).

+ Nhận xét, giải thích ( 2đ ).

- Nhận xét: Bình quân lương thực có hạt của BTB luôn thấp hơn cả nước. ( 0,5đ )

Tốc độ tăng bình quân lương thực có hạt theo đầu người của BTB cao hơn cả nước. (Tính lấy năm 1995 = 100% ). ( 0,5đ ).

- Giải thích: Bình quân lương thực có hạt thấp hơn cả nước vì đây là vùng có nhiều khó khăn trong sản xuất lương thực. ( 0,5đ ).

Tốc độ tăng bình quân lương thực có hạt của BTB nhanh hơn cả nước là do BTB đã có nhiều cố gắng trong sản xuất để đảm bảo tự túc lương thực nh đẩy mạnh thâm canh tăng năng xuất... ( 0,5đ ).

Nhận xét bài làm của học sinh:

Lớp	Giỏi	Khá	Trung bình
9A			
9B			
9C			
9D			

**TUẦN:**  
**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Bài 30: THỰC HÀNH.**  
**So sánh tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm**  
**ở trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên.**

**Mục tiêu bài học:**

- Phân tích và so sánh đọc tình hình sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở hai vùng: trungdu và miền núi Bắc Bộ với vùng Tây nguyên về đặc điểm, những thuận lợi và khó khăn, các giải pháp phát triển bền vững.
- Rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ, phân tích số liệu thống kê.
- Có kỹ năng viết và trình bày bằng văn bản.

**Các phương tiện dạy học cần thiết:**

- Về phía học sinh: Thước kẻ, máy tính bỏ túi, bút chì, bút màu, vở thực hành, Atlát địa lí.
- Giáo viên: Chuẩn bị bản đồ treo tường địa lí tự nhiên, kinh tế Việt Nam.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:** Chữa bài thi học kì.

**B. Bài mới:**

**Bài tập 1:**

**Bước 1:** Giáo viên yêu cầu học sinh đọc bảng 30.1 nêu một số cây công nghiệp lâu năm ở mỗi vùng.

**Bước 2:** Chia lớp thành 12 nhóm. các nhóm hoàn thành nhiệm vụ trong 10 phút.

a, Cho biết những cây công nghiệp lâu năm nào được trồng ở cả hai vùng, những cây công nghiệp lâu năm nào chỉ trồng được ở Tây Nguyên mà không trồng được ở trung du và miền núi Bắc Bộ?

b, So sánh chênh lệch về diện tích, sản lượng các cây chè, cà phê ở hai vùng?

c, Tại sao có sự khác biệt về cơ cấu cây công nghiệp, về diện tích và sản lượng chè, cà phê ở hai vùng?

**Bước 3:-** Cho các nhóm báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.

**Bài tập 2:**

**Bước 1:** Giáo viên giới thiệu đặc điểm sinh thái của cây cà phê, chè.

**Bước 2:** Giao việc cho cá nhân trong nhóm.

- Từ nhóm 1 — nhóm 6: Viết báo cáo về cây chè.
- Từ nhóm 7 — nhóm 12: Viết báo cáo về cây cà phê.

**Bước 3:-** Cho một số học sinh đọc bài báo cáo.

- Giáo viên nhận xét, bổ sung, cho điểm khuyến khích.

**Củng cố:**

- Giáo viên nhận xét tinh thần làm việc của các nhóm, cá nhân.
- Tìm hiểu trước bài 31.

## VÙNG ĐÔNG NAM BỘ.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu Đông Nam Bộ là vùng phát triển kinh tế rất năng động. Đó là kết quả khai thác tổng hợp lợi thế vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên trên đất liền, trên biển, cũng như đặc điểm dân cư và xã hội.
- Nắm vững phương pháp kết hợp kênh hình và kênh chữ để giải thích một số đặc điểm tự nhiên, kinh tế- xã hội của vùng đặc biệt là trình độ đô thị hóa và một số chỉ tiêu phát triển kinh tế- xã hội cao nhất trong cả nước.
- Đọc bảng số liệu, lược đồ để khai thác theo câu hỏi dẫn dắt.

### Thiết bị cần thiết:

- Lược đồ tự nhiên Đông Nam Bộ.
- Một số tranh ảnh.

### Hoạt động trên lớp:

#### A. kiểm tra bài cũ:

Kiểm tra bài viết báo cáo của một số học sinh.

#### B. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò.	Nội dung chính.									
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Dựa vào h31.1 xác định danh giới của vùng Đông Nam Bộ? Vùng gồm những tỉnh và thành phố nào?</p> <p>2. Ý nghĩa của vị trí địa lí?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <p>- Cho học sinh chỉ vị trí của vùng Đông Nam Bộ.</p> <p>- Nhắc lại ý nghĩa của vị trí địa lí của vùng.</p> <p>- Chia lớp thành 12 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Dựa vào hình 31.1 và bảng 31.1 hãy nêu đặc điểm tự nhiên và tiềm năng kinh tế trên đất liền của vùng Đông Nam Bộ?</p> <p>2. Vì sao vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển mạnh kinh tế biển?</p> <p>3. Quan sát h31.1 và lược đồ tự nhiên treo tường xác định các sông Đồng Nai, Sài Gòn, sông Bé?</p> <p>4. Vì sao phải bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, hạn chế ô nhiễm nước của các sông ở ĐNB?</p> <p>+ Hoạt động của giáo viên:</p> <p>- Cho các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác bổ sung.</p> <p>- Giáo viên giải thích: Do đất trồng cây công nghiệp chiếm tỉ lệ lớn, đất rừng không còn nhiều nên nguồn sinh thủy bị hạn chế. Nh vậy việc bảo vệ rừng đầu nguồn làm nguồn sinh thủy là rất</p>	<p><b>I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ:</b></p> <p>- Vị trí địa lí của Đông Nam Bộ rất thuận lợi cho giao lu kinh tế với các nớc trong khu vực Đông Nam Á và với đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Duyên hải miền Trung.</p> <p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:</b></p> <table><tr><td></td><td>Điều kiện tự nhiên.</td><td>Thế mạnh kinh tế.</td></tr><tr><td>Vùng đất liền.</td><td>Địa hình thoải, đất badan, đất xám. Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm,nguồn sinh thủy tốt</td><td>Mặt bằng xây dựng tốt. Các cây trồng thích hợp: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, đậu tong, lạc, mía, thuốc lá, hoa quả.</td></tr><tr><td></td><td>Biển ấm, ng trồng rộng, hải</td><td>Khai thác dầu khí ở thềm lục</td></tr></table>		Điều kiện tự nhiên.	Thế mạnh kinh tế.	Vùng đất liền.	Địa hình thoải, đất badan, đất xám. Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm,nguồn sinh thủy tốt	Mặt bằng xây dựng tốt. Các cây trồng thích hợp: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, đậu tong, lạc, mía, thuốc lá, hoa quả.		Biển ấm, ng trồng rộng, hải	Khai thác dầu khí ở thềm lục
	Điều kiện tự nhiên.	Thế mạnh kinh tế.								
Vùng đất liền.	Địa hình thoải, đất badan, đất xám. Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm,nguồn sinh thủy tốt	Mặt bằng xây dựng tốt. Các cây trồng thích hợp: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, đậu tong, lạc, mía, thuốc lá, hoa quả.								
	Biển ấm, ng trồng rộng, hải	Khai thác dầu khí ở thềm lục								

<p>quan trọng. phân hạ lu, do đô thị hóa và công nghiệp hóa phát triển mạnh mà nguy cơ ô nhiễm nước cuối nguồn các dòng sông ngày càng tăng chính vì vậy cần phải hạn chế ô nhiễm nước của các dòng sông ở Đông Nam Bộ.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Dựa vào bảng 31.2 hãy nhận xét tình hình dân c, xã hội ở vùng Đông Nam Bộ so với cả nước?</li> <li>2. Tác động của đô thị hóa và công nghiệp hóa tới môi trường?</li> <li>3. Kể các tài nguyên du lịch của vùng?</li> </ol>	<p>Vùng biển.</p>	<p>sản phong phú, gần đ-ờng hàng hải quốc tế. Thêm lục địa nông rộng, giàu tiềm năng dầu khí.</p>	<p>địa, đánh bắt hải sản, giao thông, dịch vụ, du lịch biển.</p>
	<p><b>III. Đặc điểm dân c, xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dân c khá đông, nguồn lao động dồi dào, lành nghề và năng động trong nền kinh tế thị trường.</li> <li>- Tỷ lệ dân thành thị cao.</li> <li>- Mức sống của người dân khá cao.</li> </ul>		

### C. Củng cố:

1. Xác định vị trí của ĐNB, nêu ý nghĩa của vị trí?
2. Trả lời câu hỏi 1,2 sách giáo khoa trang 116.

### D. Hoạt động nối tiếp:

1. Làm bài tập 3 trang 116 sách giáo khoa.
2. Hóng dẫn làm bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập.
3. Tìm hiểu trước bài 32 trang 116.

**Bài 32: VÙNG ĐÔNG NAM BỘ.**

**Mục tiêu bài học:**

- Hiểu được Đông Nam Bộ là vùng có cơ cấu kinh tế tiến bộ nhất trong cả nước. Công nghiệp và dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP. Sản xuất nông nghiệp chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò quan trọng. Bên cạnh những thuận lợi các ngành này có những khó khăn hạn chế nhất định.
- Hiểu một số khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp tiên tiến như khu công nghệ cao, khu chế xuất.
- Phân tích, so sánh các số liệu, dữ liệu trong các bảng, trong lược đồ theo câu hỏi dẫn dắt.

**Thiết bị cần thiết:**

- Lược đồ kinh tế Đông Nam Bộ.
- Một số tranh ảnh.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Kiểm tra bài tập của một số học sinh.
2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế ở Đông Nam Bộ?
3. Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?

**B. Bài mới:**

Hoạt động của thầy-trò.	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Dựa vào bảng 32.1 và phần 1 cho biết:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhận xét về sự thay đổi đặc điểm cơ bản và cơ cấu ngành công nghiệp trước và sau khi miền Nam được giải phóng?</li><li>2. Nhận xét tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và cả nước?</li><li>3. Quan sát lược đồ xác định các trung tâm công nghiệp lớn?</li><li>4. Nêu những khó khăn trong phát triển công nghiệp của vùng? ( Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất, chất lượng môi trường đang bị suy giảm ).</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên</u> : Chuẩn xác kiến thức.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Đọc bảng 32.2 nhận xét tình hình phân bố cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ? Vì sao cao su được trồng nhiều nhất ở vùng này?</li><li>2. Quan sát h32.2 xác định vị trí của hồ Dầu Tiếng, hồ thủy điện Trị An. Nêu vai trò của hai hồ chứa nước này đối với sự phát triển nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ? ( Hồ Dầu Tiếng cung cấp nước tưới trong mùa khô cho tỉnh Tây Ninh và huyện Củ Chi. Hồ Trị An điều tiết nước cho nhà máy thủy điện, cung cấp nước</li></ol>	<p><b>IV: Tình hình phát triển kinh tế:</b></p> <p><b>1. Công nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tốc độ phát triển nhanh.</li><li>- Cơ cấu sản xuất cân đối.</li><li>- Nhiều ngành công nghiệp hiện đại đã được hình thành và phát triển như dầu khí, điện tử....</li></ul> <p><b>2. Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vùng trọng điểm số một về cây công nghiệp.</li><li>- Nuôi trồng và khai thác thủy sản.</li><li>- Ngoài ra còn phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm.</li></ul>

cho cây trồng, vật nuôi khu công nghiệp và đô thị tỉnh Đồng Nai.)	
---	--

**C. Củng cố:**

1. Tình hình sản xuất công nghiệp ở Đông Nam Bộ thay đổi nh thế nào từ sau khi thống nhất đất nớc?
2. Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của cả nớc?
3. Hướng dẫn làm bài tập.

**D. Hoạt động nối tiếp:**

1. Làm bài tập 3 sách giáo khoa trang 120.
2. Làm bài tập trong vở bài tập và tập bản đồ.
- 3 Tìm hiểu trước bài 33 trang 121.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 37: Bài 33:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## VÙNG ĐÔNG NAM BỘ.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển mạnh và đa dạng, sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội, góp phần thúc đẩy sản xuất và giải quyết việc làm. Thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố Biên Hòa, Vũng Tàu cũng nh vùng trọng điểm phía Nam có tầm quan trọng đặc biệt đối với Đông Nam Bộ và cả nước.
- Tiếp tục tìm hiểu khái niệm về vùng kinh tế trọng điểm qua vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Về kĩ năng nắm vững phương pháp kết hợp kênh chữ và kênh hình để phân tích và giải thích một số vấn đề bức xúc ở Đông Nam Bộ.
- Khai thác thông tin trong bảng và lọc đồ theo câu hỏi gợi ý.

### Phong tiện cần thiết:

- Lọc đồ kinh tế Đông Nam Bộ.
- Một số tranh ảnh về Đông Nam Bộ.

### Hoạt động trên lớp:

Hoạt động của thầy □ trò:	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>- Dựa vào bảng 33.1, hãy nhận xét một số chỉ tiêu dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ so với cả nước?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <p>- Chia lớp thành 12 nhóm.</p> <p>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Nhận xét một số chỉ tiêu dịch vụ của Đông Nam Bộ so với cả nước?</p> <p>2. Dựa vào hình 14.1 cho biết thành phố Hồ Chí Minh có thể đi đến các thành phố khác trong nước bằng những loại đường nào?</p> <p>3. Căn cứ vào hình 33.1 và kiến thức đã học, cho biết vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh đầu tư nước ngoài?</p> <p>4. Qua thực tế kể các mặt hàng xuất khẩu của Đông Nam Bộ?</p> <p>5. Hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố Hồ Chí Minh có những thuận lợi gì?</p> <p>6. Nhận xét sự phát triển của các ngành dịch vụ ở Đông Nam Bộ?</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <p>- Cho các nhóm trình bày và bổ sung cho nhau.</p> <p>- Giáo viên chuẩn xác lại kiến thức.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <p>1. Dựa vào hình 32.2 xác định các trung tâm kinh tế lớn của vùng?</p> <p>2. Nhắc lại vùng kinh tế trọng điểm là vùng nh thế nào?</p> <p>3. Xác định trên bản đồ các tỉnh thuộc vùng kinh tế</p>	<p><b>3. Dịch vụ:</b></p> <p>- Dịch vụ của Đông Nam Bộ phát triển rất mạnh.</p> <p>- Sự đa dạng của các loại hình dịch vụ đã góp phần thúc đẩy kinh tế của vùng phát triển mạnh.</p> <p><b>V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh</b></p>



trọng điểm phía Nam?

4. Dựa vào bảng 33.2 hãy nhận xét vai trò của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đối với cả nước?

**tế trọng điểm phía Nam.**

- Thành phố Hồ Chí Minh.
- Biên Hòa.
- Vũng tàu.

**C.Củng cố:**

1. Nêu những điều kiện thuận lợi phát triển dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ?
2. Tại sao tuyến du lịch Hồ Chí Minh - Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu quanh năm hoạt động nhộn nhịp?

**D. Hoạt động nối tiếp:**

1. Hóng dẫn làm bài tập 3 trang 123 sách giáo khoa.
2. Hóng dẫn làm bài tập trong vở bài tập và tập bản đồ.
3. Tìm hiểu trước bài 34.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 38: Bài 34:**

**THỰC HÀNH.**

**Phân tích một số ngành công nghiệp  
trọng điểm ở Đông Nam Bộ.**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Mục tiêu bài học:**

- Củng cố kiến thức đã học về những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của vùng, làm phong phú hơn khái niệm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Rèn luyện kỹ năng sử lý, phân tích số liệu thống kê về một số ngành công nghiệp trọng điểm.
- Có kỹ năng lựa chọn loại biểu đồ thích hợp, tổng hợp kiến thức theo câu hỏi hướng dẫn.
- Hoàn thiện phương pháp kết hợp kênh hình với kênh chữ và liên hệ thực tế.

**Phong tiện cần thiết:**

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam.
- Bản đồ kinh tế Việt Nam.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Ngành công nghiệp trọng điểm là ngành nh thế nào? Cho ví dụ?
2. Đông Nam Bộ có những thuận lợi gì khi phát triển dịch vụ?

**B. Bài mới:**

**Bước 1:**

- Giáo viên phổ biến yêu cầu của tiết thực hành.
- Hướng dẫn học sinh tìm hiểu bảng 34.1.

**Bước 2:**

Hướng dẫn học sinh làm bài tập một.

1. Qua bảng 34.1 nhận xét ngành nào có tỉ trọng lớn nhất, ngành nào chiếm tỉ trọng bé?
2. Lựa chọn biểu đồ gì? ( cột )
3. Cho một học sinh khá lên bảng vẽ.
4. Giáo viên nhận xét, cho điểm khuyến khích.

**Bước 3:**

1. Giáo viên chia lớp thành 12 nhóm.
2. Giao nhiệm vụ cho các nhóm:
  - Nhóm 1- nhóm 3: Tìm hiểu câu a.
  - Nhóm 4 - nhóm 6: Tìm hiểu câu b.
  - Nhóm 7- nhóm 9: Tìm hiểu câu c.
  - Nhóm 10-nhóm 12: Tìm hiểu câu d.
3. Giáo viên cho đại diện các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét bổ sung cho nhau. sau đó giáo viên chuẩn xác kiến thức, cho điểm khuyến khích.

**C. Củng cố ;**

Nhắc lại cho học sinh cách lựa chọn biểu đồ sao cho phù hợp nhất.

**D. Hoạt động nối tiếp:**

1. Về nhà hoàn thành tiếp bài thực hành.
2. Tìm hiểu trước bài 35.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 39: Bài 35:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu được đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước. Vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên đất, khí hậu nóng phong phú, đa dạng, người dân cần cù, năng động, thích ứng linh hoạt với sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường. Đó là điều kiện quan trọng để xây dựng đồng bằng sông Cửu Long thành vùng kinh tế động lực.
- Làm quen với khái niệm chủ động sống chung với lũ ở đồng bằng sông Cửu Long.

### Thiết bị cần thiết:

- Lọc đồ tự nhiên đồng bằng sông Cửu Long.
- Một số tranh ảnh.

### Hoạt động trên lớp:

#### A. Kiểm tra bài cũ:

Kiểm tra bài thực hành của một số học sinh.

#### B. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò.	Nội dung chính.
<p><b>+. Hoạt động của trò:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Đọc nhanh phần I, quan sát lược đồ tự nhiên. Hãy xác định danh giới và nêu ý nghĩa của vị trí địa lý của vùng?</li><li>2. Tìm hiểu phần 1 cho biết khái quát về địa hình, khí hậu, sông ngòi, ở đồng bằng sông Cửu Long?</li><li>3. Dựa vào hình 35.1 cho biết các loại đất chính ở đồng bằng sông Cửu Long và sự phân bố của chúng?</li></ol> <p><b>+ Hoạt động của giáo viên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Sau khi cho học sinh hoạt động cá nhân, giáo viên chuẩn xác kiến thức cơ bản.</li><li>2. Chia lớp thành 12 nhóm.</li></ol> <p><b>+ Hoạt động của trò:</b></p> <p>Các nhóm hoàn thành các câu hỏi:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Dựa vào hình 35.2 nhận xét về thế mạnh của tài nguyên thiên nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long để sản xuất lương thực, thực phẩm?</li><li>2. Thiên nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long có khó khăn gì cho sản xuất và đời sống? Nêu các biện pháp khắc phục?</li><li>3. Dựa vào bảng 35.1, hãy nhận xét tình hình dân c, xã hội của đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước? Giải thích? Nêu một số giải pháp?</li></ol>	<p><b>I. Vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Vị trí thuận lợi giao lu kinh tế, văn hóa với các vùng trong nước, với tiểu vùng sông Mê công và các nước trong khu vực.</li></ul> <p><b>II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Địa hình: Thấp bằng phẳng.</li><li>+ Khí hậu: Cận xích đạo.</li><li>+ Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.</li><li>+ Tài nguyên:</li><li>- Đất:</li><li>- Rừng:</li><li>- Nước:</li><li>- Biển đảo:</li><li>- Khoáng sản:</li><li>- Du lịch:</li></ul> <p><b>+ Khó khăn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Diện tích đất phèn, đất mặn lớn.</li><li>- Lũ lụt.</li><li>- Thiếu nước trong mùa khô.</li></ul> <p><b>III. Đặc điểm dân c, xã hội:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đông dân, mật độ cao.</li><li>- Có một số dân tộc ít người sinh sống.</li><li>- Một số chỉ tiêu về xã hội thấp hơn so với</li></ul>

**C. Củng cố:**

1. Xác định vị trí giới hạn của vùng ĐBSCL?
2. Nêu thế mạnh về một số tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế-xã hội ở đồng bằng sông Cửu Long?
3. ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở ĐBSCL?
4. Tại sao phải đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao mặt bằng dân trí và phát triển đô thị ở đồng bằng này?

**D. Hoạt động nối tiếp:**

1. Hóng dẫn làm bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập.
2. Tìm hiểu trước bài 36.

## VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.

### Mục tiêu bài học:

- Hiểu đồng bằng sông cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm đồng thời là vùng xuất khẩu nông sản hàng đầu của cả nước. Công nghiệp, dịch vụ bắt đầu phát triển. Các thành phố Mỹ Tho, Cần Thơ, Long Xuyên, Cà Mau đang phát huy vai trò trung tâm kinh tế vùng.
- Phân tích dữ liệu trong sơ đồ kết hợp với lược đồ để khai thác kiến thức theo câu hỏi.
- Biết kết hợp kênh hình, kênh chữ và liên hệ thực tế để phân tích và giải thích một số vấn đề bức xúc của vùng.

### Thiết bị dạy học cần thiết:

- Lược đồ kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- Một số tranh ảnh.

### Hoạt động trên lớp:

#### A. Kiểm tra bài cũ:

1. Nêu thế mạnh về một số tài nguyên để phát triển kinh tế xã hội ở ĐBSCL?
2. Nêu đặc điểm dân c, xã hội vùng ĐBSCL? Tại sao phải đặt vấn đề phát triển kinh tế đi đôi với nâng cao mặt bằng dân trí và phát triển đô thị ở đồng bằng này?

#### B. Bài mới:

Hoạt động của thầy □ trò.	Nội dung chính.
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> Đọc nhanh mục 1, quan sát bản đồ kinh tế. 1. Tính tỉ lệ về diện tích và sản lượng lúa của đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước? Nêu ý nghĩa của việc sản xuất lương thực ở đồng bằng này? 2. Cho biết tỉnh nào trồng nhiều lúa ở ĐBSCL? 3. Quan sát h36.1 và kiến thức thực tế giải thích tại sao đồng bằng sông Cửu Long có thế mạnh phát triển nuôi trồng và đánh bắt thủy sản? ( có nhiều sông nước, khí hậu ẩm, sản phẩm trọt trồng phong phú nhiều nguồn thức ăn cho thủy sản, vùng biển rộng và ấm quanh năm, diện tích rừng ngập mặn lớn, lũ hàng năm của sông Mê Công đem lại nguồn thủy sản lớn cho đồng bằng)</p> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u> Chuẩn xác kiến thức.</p> <p>+ <u>Hoạt động của trò:</u> 1. Đọc bảng 36.2 giải thích tại sao trong cơ cấu sản xuất công nghiệp, ngành chế biến nông sản xuất khẩu có tỉ trọng lớn hơn cả? 2. Quan sát hình 36.2 hãy xác định thành phố thị xã có cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm? 3. Cho biết vùng phát triển những ngành dịch vụ nào? Giải thích tại sao giao thông thủy lại có vai trò lớn trong sản xuất và đời sống?</p>	<p><b>IV. Tình hình phát triển kinh tế:</b></p> <p><b>1. Nông nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ Trồng trọt: Phát triển mạnh nghề trồng lúa. Trồng cây ăn quả, cây công nghiệp hàng năm.</li><li>+ Chăn nuôi: Nuôi nhiều lợn, vịt đàn.</li><li>+ Nuôi trồng và đánh bắt thủy sản.</li><li>+ Phát triển nghề rừng.</li></ul> <p><b>2. Công nghiệp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tỉ trọng sản xuất công nghiệp còn thấp.</li><li>- Ngành chế biến lương thực, thực phẩm phát triển mạnh.</li></ul>

4. Xác định các trung tâm kinh tế lớn của vùng?  
Thành phố Cần Thơ có những thuận lợi gì để trở thành trung tâm kinh tế lớn nhất của vùng đồng bằng sông Cửu Long?

**3. Dịch vụ:**

- Xuất nhập khẩu.
- Giao thông vận tải thủy.
- Du lịch.

**V. Các trung tâm kinh tế lớn:**

- Cần Thơ.
- Mỹ Tho.
- Long Xuyên.
- Cà Mau.

**C.Củng cố:**

1. Đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi gì để trở thành vùng sản xuất long thực, thực phẩm lớn nhất nước?
2. Tại sao công nghiệp chế biến long thực, thực phẩm lại phát triển mạnh ở đồng bằng sông Cửu Long?

**D.Hoạt động nối tiếp:**

1. Làm bài tập 3 trang 133 sách giáo khoa.
2. Hóng dẫn làm bài tập trong tập bản đồ và vở bài tập.
3. Tìm hiểu trước bài 37.

**TUẦN:**

Ngày soạn: ...../...../.....

**TIẾT:**

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 41: Bài 37:**

## **THỰC HÀNH.**

### **Vẽ và phân tích biểu đồ về tình hình sản xuất của ngành thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long.**

#### **Mục tiêu bài học:**

- hiểu đầy đủ hơn ngoài thế mạnh long thực, vùng còn thế mạnh về thủy hải sản.
- Biết phân tích tình hình phát triển ngành thủy sản, hải sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.
- Rèn luyện kỹ năng sử lý số liệu thống kê và vẽ biểu đồ, so sánh số liệu để khai thác kiến thức theo câu hỏi.
- Liên hệ thực tế ở hai vùng đồng bằng lớn ở nước ta.

#### **Thiết bị cần thiết:**

- Học sinh: Thước kẻ, máy tính, bút chì, bút màu, át lát địa lí.
- Giáo viên: Bản đồ địa lí tự nhiên hoặc kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long.

#### **Hoạt động trên lớp:**

##### **A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Nêu những điều kiện thuận lợi khi phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long?
2. Cho một học sinh làm bài tập 3 trang 133 sách giáo khoa.

##### **B. Bài mới:**

###### **+ Hoạt động của giáo viên:**

1. Cho học sinh tìm hiểu bảng số liệu 37.1 làm bài tập số 1.
2. Hoàn thành bảng sau:

Sản lượng thủy sản ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng so với cả nước năm 2002 ( cả nước 100% ).

Sản lượng.	ĐBS Cửu Long	ĐB sông Hồng.	Cả nước.
Cá biển khai thác.			100%
Cá nuôi.			100%
Tôm nuôi.			100%

Gọi một học sinh khá lên bảng vẽ.

( Dùng biểu đồ cột chồng )

###### **+ Hoạt động của học sinh:**

1. Tính điền số liệu vào bảng.
2. Vẽ biểu đồ.
3. Nhận xét cách vẽ của bạn trên bảng.
4. Dựa vào biểu đồ và các bài 35, 36 trả lời câu a, b, c trang 134 sách giáo khoa.

###### **+ Hoạt động của giáo viên:**

1. Nhận xét bài làm của học sinh.
2. Chuẩn xác lại kiến thức.

###### **a, Thuận lợi:**

- Diện tích mặt nước lớn, nguồn cá tôm dồi dào, các bãi tôm cá trên biển rộng lớn.
- Lao động có nhiều kinh nghiệm và tay nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. Người dân thích ứng linh hoạt với nền kinh tế thị trường, năng động và nhạy cảm với cái mới trong sản xuất và kinh doanh.
- Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều cơ sở chế biến thủy sản, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu sang thị trường khu vực và quốc tế.
- Thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long có thị trường tiêu thụ rộng lớn: các nước trong khu vực, EU, bắc Mỹ, Nhật...

b, Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thuận lợi đặc biệt nuôi tôm xuất khẩu:

- Tự nhiên.
- Lao động.
- Cơ sở chế biến.
- Thị trường tiêu thụ.

c, Khó khăn:

- Vốn, cơ sở vật chất kĩ thuật, thị trường tiêu thụ biến động, thiên tai.

### **C. Bài tập về nhà:**

1. Ôn tập từ bài 17 đến bài 37.
2. Ôn lại cách vẽ biểu đồ.



**TUẦN:**

**TIẾT:**

Tiết 42:

**ÔN TẬP.**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Mục tiêu bài học:**

- Hệ thống lại kiến thức cơ bản cho học sinh.
- Rèn luyện kỹ năng đọc bản đồ, phân tích số liệu, vẽ biểu đồ.

**Phong tiện cần thiết;**

- Bản đồ tự nhiên và kinh tế vùng Đông Nam Bộ.
- Bản đồ tự nhiên và kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

- Kiểm tra bài thực hành của một số học sinh.
- Vị trí của đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi gì?

**B. Bài mới:**

+ Hoạt động của giáo viên:

- Nêu yêu cầu của tiết ôn tập.
- Nội dung ôn tập.
- Chia lớp thành 12 nhóm.
- Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  
Nhóm 1 đến nhóm 6: Phiếu 1.  
Nhóm 7 đến nhóm 12 : Phiếu 2.

+ Hoạt động của học sinh:

- Ôn tập từ bài 31 đến bài 37.
- Hoàn thành phần việc đọc giao.
- Đại diện báo cáo kết quả, các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

+ Hoạt động của giáo viên:

Chuẩn xác kiến thức, nhận xét cho điểm các nhóm.

**C. Phần phụ lục:**

**Nội dung phiếu 1:**

1. Xác định vị trí của Đông Nam Bộ? ý nghĩa của vị trí?
2. Điều kiện tự nhiên và dân c xã hội của Đông Nam Bộ có thuận lợi và khó khăn gì?
3. Vì sao phải bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn đồng thời hạn chế ô nhiễm môi trường nước của các dòng sông ở Đông Nam Bộ?
4. Vì sao Đông Nam Bộ có sức hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước?
5. Tình hình sản xuất công nghiệp, nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?
6. Vì sao Đông Nam Bộ lại trồng nhiều cao su?

**Nội dung phiếu 2:**

1. Xác định vị trí đồng bằng sông Cửu Long? Ý nghĩa của vị trí?
2. Điều kiện tự nhiên và dân c xã hội của vùng đồng bằng sông Cửu Long có thuận lợi và khó khăn gì?
3. Ý nghĩa của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở đồng bằng sông Cửu Long?
  3. Ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ ở đồng bằng sông Cửu Long phát triển nh thế nào?
  4. Vì sao ở đồng bằng sông Cửu Long lại phát triển mạnh nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

**D. Bài tập về nhà:**

- Ôn tập từ bài 31 đến bài 37.
- Ôn lại cách chọn biểu đồ và cách vẽ biểu đồ?

- Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

Tiết 43:

## **KIỂM TRA.**

### **Mục tiêu bài học:**

Kiểm tra đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức và cách làm bài của học sinh một cách khách quan.

**Đề bài: (Đề lẻ).**

**I. Phần trắc nghiệm:** Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước ý em cho là đúng.

**Câu 1:** (1đ).

Ý nào thể hiện khó khăn lớn trong phát triển công nghiệp của ĐNB:

- A. Thiếu lao động có tay nghề.
- B. Thiếu tài nguyên khoáng sản trên đất liền.
- C. Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu.
- D. Chậm đổi mới công nghệ, môi trường đang bị ô nhiễm.
- E. Cả ý C và D đúng.

**Câu 2:** (1đ).

Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Khí hậu nắng nóng quanh năm.
- B. Diện tích đất mặn, đất phèn lớn.
- C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- D. Khoáng sản không nhiều.

**Câu 3:** (1đ).

Ý nào không thuộc về đặc điểm sản xuất long thực, thực phẩm của đồng bằng sông Cửu Long.

- A. Diện tích và sản lượng lúa lớn nhất nước.
- B. Năng xuất lúa cao nhất nước.
- C. Bình quân long thực đầu người cao nhất trong các vùng của cả nước.
- D. Chiếm 60% sản lượng thủy hải sản của cả nước.

### **II. Phần tự luận:**

**Câu 1:** (4đ).

Trình bày tình hình sản xuất thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích vì sao nơi đây phát triển mạnh nghề nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

**Câu 2:** (3đ).

Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Cơ cấu kinh tế năm 2002(%).

	N-L-Ng nghiệp	CN-XD.	Dịch vụ.
Đông Nam Bộ	6,2	59,3	34,5
Cả nước.	23,0	38,5	38,5

a, Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện cơ cấu kinh tế của Đông Nam Bộ, cả nước.

b, từ số liệu và biểu đồ đã vẽ nhận xét về tỉ trọng CN-XD của Đông Nam Bộ từ đó rút ra kết luận về sự phát triển của công nghiệp ở Đông nam Bộ.

### **Biểu chấm:**

**I. Phần trắc nghiệm: (3đ).**

Câu 1: ý đúng E. (1đ).

Câu 2: ý đúng B. (1đ).

Câu 3: ý đúng B. (1đ).

### **II. Phần tự luận:**

**Câu 1:** (4đ).

+ Đồng bằng sông Cửu Long chiếm tỉ trọng cao về sản xuất thủy sản của cả nước. Các tỉnh có sản lượng cao là Kiên Giang, Cà Mau, An Giang. Nghề nuôi tôm và cá nước ngọt đang phát triển mạnh. (1đ).

+ Giải thích: (3đ).

- Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thuận lợi về tự nhiên:

\* Khí hậu nóng quanh năm.

\* Nhiều diện tích mặt nước( mặn, lợ...).

\* Nguồn thủy sản phong phú.

\* Được chú trọng đầu tư ( vốn, giống, kĩ thuật,...).

\*Thị trường ngày càng mở rộng.

**Câu 2:** (3đ).

+ Vẽ biểu đồ tròn đúng đẹp: (2đ).

+ Nhận xét: (1đ).

Nhận xét kết quả làm bài của học sinh:

Lớp.	Giỏi.	Khá.	Trung bình.
9A.			
9B.			
9C.			
9D.			

**TUẦN:**

**TIẾT:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 44: Bài 38:**

## **PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN - ĐẢO.**

### **Mục tiêu bài học:**

- Thấy được nớc ta có vùng biển rộng lớn, trong vùng biển có nhiều đảo và quần đảo.
- Nắm được đặc điểm của các ngành kinh tế biển : Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản, du lịch biển - đảo.
- Nắm vững cách đọc và phân tích các sơ đồ, bản đồ, lược đồ.

### **Phong tiện cần thiết:**

- Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.
- Bản đồ giao thông vận tải và du lịch Việt Nam.
- Các lược đồ, sơ đồ trong sách giáo khoa.
- Tranh ảnh về các ngành kinh tế biển.

### **Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:** Chữa, trả bài kiểm tra.

**B. Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy □ trò.</b>	<b>Nội dung chính.</b>
<p>+ <u>Hoạt động của trò:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Quan sát bản đồ Việt Nam em có nhận xét gì về bờ biển Việt Nam?</li><li>2. Quan sát h38.1 Nêu giới hạn từng bộ phận của vùng biển Việt Nam?</li><li>3. Kể tên, chỉ một số quần đảo của Việt Nam?</li><li>4. Kể, chỉ các đảo thuộc Thanh Hóa?</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của giáo viên:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. chia lớp thành 12 nhóm.</li><li>2. Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</li></ol> <p>+ <u>Hoạt động của học sinh:</u></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Dựa vào h38.3 và kiến thức đã học hãy phân tích về các ngành kinh tế biển.<ul style="list-style-type: none"><li>- Nhóm 1 đến nhóm 6: Ngành khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản.</li><li>- Nhóm 7 đến nhóm 12: Du lịch.</li></ul>( Phân tích về tiềm năng phát triển, sự phát triển, hạn chế, phong hóng phát triển).</li><li>2. Tại sao cần ưu tiên phát triển khai thác xa bờ?</li><li>3. Ngoài hoạt động tắm biển chúng ta còn có khả năng phát triển các hoạt động du lịch biển nào khác?</li></ol> <p>+ Hoạt động của giáo viên:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1 Cho các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét bổ sung cho nhau.</li><li>2. Giáo viên chuẩn xác kiến thức, cho điểm khuyến khích các nhóm.</li></ol>	<p><b>I. Biển và đảo Việt Nam:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nớc ta có đường bờ biển dài 3260 km.</li><li>- Vùng biển rộng hơn một triệu km<sup>2</sup> có trên 3000 đảo lớn nhỏ.</li></ul> <p>=&gt; Thuận lợi cho nớc ta trong quá trình phát triển và hội nhập vào nền kinh tế thế giới.</p> <p><b>II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Khai thác nuôi trồng và chế biến hải sản:</li><li>2. Du lịch biển - đảo:</li></ol>

### **C. Củng cố:**

1. Tại sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?

2. Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển sẽ có tác động nh thế nào tới ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản?
3. Tìm, đọc tên các bãi tắm và khu du lịch từ Bắc đến Nam?

**D. Bài tập về nhà:**

1. Hóng dẫn làm bài tập bản đồ và vở bài tập.
2. Tìm hiểu trước bài 39.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 44:**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

## **PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN-ĐẢO**

### **Mục tiêu bài học:**

- Thấy được nước ta có vùng biển rộng lớn, trong vùng biển có nhiều đảo và quần đảo.
- Nắm được đặc điểm của các ngành kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, du lịch biển-đảo.
- Nắm vững cách đọc và phân tích các sơ đồ, bản đồ, lược đồ.

### **Phong tiện cần thiết:**

- Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.
- Bản đồ giao thông vận tải và du lịch Việt Nam.
- Các lược đồ và bản đồ trong sách giáo khoa.
- Tranh ảnh về các ngành kinh tế biển.

### **Hoạt động trên lớp:**

A. **Kiểm tra bài cũ:** Chữa và trả bài kiểm tra.

B. **Bài mới:**

<b>Hoạt động của thầy-trò</b>	<b>Nội dung chính</b>
<b>+Hoạt động của trò:</b> 1. Quan sát bản đồ Việt Nam => nhận xét về bờ biển nước ta? 2. Quan sát hình 38.1 nêu giới hạn từng bộ phận của vùng biển Việt Nam? 3. Kể tên, chỉ một số đảo và quần đảo của nước ta? 4. Thanh Hóa có những đảo nào? <b>+Hoạt động của giáo viên:</b> 1. Chia lớp ra 12 nhóm. 2. Giao nhiệm vụ cho các nhóm. <b>+Hoạt động của trò:</b> 1. Dựa vào hình 38.3 và kiến thức đã học để phân tích về các ngành kinh tế biển. - Nhóm 1-6: Ngành khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản. - Nhóm 7-12: Du lịch. *Tiềm năng phát triển. *Sự phát triển. *Hạn chế. *Phong hống phát triển. 2. Tại sao cần ưu tiên phát triển khai thác hải sản xa bờ? 3. Ngoài hoạt động tắm biển chúng ta còn có khả năng phát triển các hoạt động du lịch biển nào khác?	<b>I. Biển và đảo Việt Nam:</b> - Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km. - Vùng biển rộng hơn 1 triệu km <sup>2</sup> có hơn 3000 đảo lớn nhỏ. =>Thuận lợi cho nước ta trong quá trình phát triển và hội nhập vào nền kinh tế Thế Giới.  <b>II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển.</b>  <b>1. Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.</b>         <b>2. Du lịch biển-đảo.</b>

### **C. Củng cố:**

1. Tại sao phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?

2. Công nghiệp thủy hải sản phát triển sẽ có tác động nh thế nào tới ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản?

3. Tìm, đọc tên các bãi tắm và khu vực du lịch từ Bắc đến Nam.

**D. Bài tập:**

1. Làm trong tập bản đồ.

2. Tìm hiểu trước bài 39.



**TUẦN:**

Ngày soạn: ...../...../.....

**TIẾT:**

Ngày dạy: ...../...../.....

**Tiết 45: PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN - ĐẢO.**

**Mục tiêu bài học:**

- Nắm được đặc điểm phát triển của các ngành: khai thác nuôi trồng và chế biến khoáng sản, giao thông biển.
- Thấy được sự giảm sút của tài nguyên biển vùng ven bờ nước ta và các phong hóng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển.
- Nắm vững hơn cách đọc và phân tích các sơ đồ, bản đồ, lược đồ.
- Có niềm tin vào sự phát triển của các ngành kinh tế biển ở nước ta, ý thức bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo.

**Phong tiện dạy học cần thiết:**

- Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.
- Bản đồ giao thông Việt Nam.
- Tranh ảnh về kinh tế biển.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Tại sao phải phát triển tổng hợp kinh tế biển?
2. Công nghiệp chế biến thủy sản phát triển sẽ có tác động nh thế nào tới ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản?

**B. Bài mới:**

Hoạt động của thầy- trò.	Nội dung chính.				
<b>+ Hoạt động của giáo viên:</b> 1. Chia lớp thành 12 nhóm. 2. Giao nhiệm vụ cho các nhóm. - Từ nhóm 1- 6: Ngành khai thác và chế biến khoáng sản. - Từ nhóm 7- 12: Ngành giao thông vận tải. ( Mỗi ngành cần tìm hiểu: Tiềm năng phát triển, hạn chế, phong hóng) 3. Cho các nhóm phát biểu bổ sung cho nhau. 4. Giáo viên nhận xét, chuẩn xác kiến thức. <b>+ Hoạt động của trò:</b> Cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi: 1. Nhận xét gì về tài nguyên biển của nước ta hiện nay so với trước? 2. Qua thực tế em có nhận xét gì về môi trường của biển và đảo? 3. Nêu rõ nguyên nhân dẫn tới sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển- đảo ở nước ta? Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển- đảo sẽ dẫn đến những hậu quả gì? 4. Chúng ta cần thực hiện những biện pháp cụ thể gì để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển- đảo?	Các ngành	Tiềm năng	Sự phát triển	Hạn chế	Phong hóng
	Khai thác chế biến khoáng sản. Giao thông vận tải biển.				
<b>III. Bảo vệ tài nguyên và môi trường biển:</b> <b>1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển- đảo.</b>  <b>2. Các phong hóng chính để bảo vệ tài</b>					

	<b><i>nguyên và môi trường biển.</i></b>
--	--

	- Nhà nước đã đề ra những phong hướng cụ thể nhằm bảo vệ tài nguyên và môi trường biển- đảo.
--	--

**C. Củng cố:**

1. phát triển tổng hợp kinh tế biển có ý nghĩa nh thế nào đối với nền kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng của đất nước?
2. Chúng ta cần tiến hành những biện pháp gì để phát triển giao thông vận tải biển?
3. Phong hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển - đảo?

**D. Bài tập về nhà:**

1. Hóng dẫn học sinh về nhà làm trong tập bản đồ và vở bài tập địa lí 9.
2. Tìm hiểu trước bài 40.

**TUẦN:**

**TIẾT:**

**Tiết 46: Bài 40: THỰC HÀNH.**

Ngày soạn: ...../...../.....

Ngày dạy: ...../...../.....

**Mục tiêu bài học:**

Sau bài học, học sinh cần:

- Rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp kiến thức.
- Xác định được mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí.

**Các phương tiện dạy học cần thiết:**

- Bản đồ kinh tế chung Việt Nam.
- Bản đồ giao thông vận tải và bản đồ du lịch Việt Nam.
- Lược đồ 39.2 trong sách giáo khoa (phóng to).
- Đồ dùng học tập cần thiết.

**Hoạt động trên lớp:**

**A. Kiểm tra bài cũ:**

1. Chúng ta cần tiến hành những biện pháp gì để phát triển giao thông vận tải biển?
2. Trình bày những phương hướng để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển- đảo.

**B. Bài mới:**

**Bước 1:** Giáo viên cho các em tìm hiểu yêu cầu của bài thực hành.

**Bước 2:**

**+ Cho học sinh hoạt động cá nhân:**

1. Tìm trong bảng 40.1 cho biết những đảo có điều kiện thích hợp nhất để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?
2. Nêu những điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển của từng đảo.

**+ Hoạt động của giáo viên:**

1. Cho học sinh phát biểu, nhận xét.
2. Chuẩn xác kiến thức, cho các em tìm vị trí các đảo trên bản đồ:
  - Cát Bà: nông- lâm- ng nghiệp, du lịch, dịch vụ biển.
  - Côn Đảo: nông- lâm- ng nghiệp...
  - Phú Quốc: nông- lâm- ng nghiệp...
3. Giáo viên chia học sinh ra 12 nhóm.

**+ Hoạt động của trò:** Làm việc theo nhóm, làm bài tập 2.

**Bước 3:** Cho các nhóm trình bày, nhận xét cho nhau.

**+ Hoạt động của giáo viên:** Nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

Gợi ý: - Phân tích diễn biến của từng đối tượng.

- Sau đó phân tích mối quan hệ giữa từng đối tượng.

Nhận xét:

- Nớc ta có trữ lượng dầu khí lớn và dầu mỏ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong những năm qua. Sản lượng dầu mỏ không ngừng tăng.
- Hầu nh toàn bộ dầu mỏ khai thác được xuất khẩu dưới dạng thô. Điều này cho thấy công nghiệp chế biến dầu cha được phát triển. Đây là điểm yếu của ngành công nghiệp dầu khí nớc ta.
- Trong khi xuất khẩu dầu thô thì ta vẫn phải nhập lượng xăng dầu chế biến với số lượng ngày càng lớn (giá xăng dầu > giá dầu thô).

**C. Củng cố:**

1. ý nghĩa của việc phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển?
2. Làm bài thực hành trong tập bản đồ.
3. Tìm hiểu bài 41.